

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: - Sở giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
- Quý cổ đông Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303476454 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 27/08/2004 cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 14/09/2023.
- Vốn điều lệ: **645.221.040.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **645.221.040.000 đồng**
- Địa chỉ: 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM
- Điện thoại: (84.28) 62918483
- Số fax: (84.28) 62918489
- Website: www.saigonwater.com.vn
- Mã cổ phiếu: **SII**

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân với tên gọi là CTCP Xây dựng Việt Thành – số ĐKKD là 4103002620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp vào ngày 27 tháng 08 năm 2004, có trụ sở tại 115/7P Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp; vốn điều lệ ban đầu là 550 triệu đồng và hoạt động trong lĩnh vực mua bán vật liệu xây dựng, phụ tùng; dịch vụ cho thuê thiết bị và xây dựng các công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, công nghiệp...
- Ngày 27/10/2004, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 3 tỷ đồng và bổ sung thêm ngành nghề dịch vụ tư vấn về quản lý và giám sát thi công công trình.
- Ngày 09/01/2006, bổ sung thêm ngành kinh doanh: Tư vấn đầu tư, xây dựng; thiết kế công trình giao thông; thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; thẩm tra thiết kế, dự toán công trình; lập dự toán, tổng dự toán công trình; thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng.
- Ngày 25/06/2009, Công ty chuyển trụ sở về 211/4 Lê Văn Thọ, Phường 9, Q. Gò Vấp.
- Tháng 5/2010, đổi tên thành CTCP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (SII JSC) với số vốn điều lệ đăng ký là 400 tỷ đồng, đồng thời chuyển trụ sở về số 50 Tôn Thất Đạm,

Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1.

- Tháng 5/2011, Công ty quyết định xây dựng chiến lược và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh chính “Ngành Hạ Tầng Môi Trường”.
- Ngày 22/08/2012, cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán là SII.
- Tháng 2/2013, thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water) để phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.
- Tháng 8/2013, Saigon Water ký hợp đồng đầu tư với đối tác chiến lược là Manila Water, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thành công từ 400 tỷ đồng, lên 583.7 tỷ đồng.
- Tháng 01/2017, Công ty chuyển trụ sở về 70 Lũ Gia, Phường 15, Quận 11.
- Tháng 06/2017, Công ty phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thành công từ 583,7 tỷ đồng lên 645,16 tỷ đồng.
- Tháng 08/2020, Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng, tăng vốn điều lệ lên 645.221.040.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

🚧 Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển – đo lường);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; giám sát thi công công trình);
- Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp thoát nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp;
- Dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính).

🚧 Địa bàn kinh doanh

- Đối với hoạt động đầu tư hạ tầng nước, hiện Công ty vẫn đang tập trung đầu tư ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành khác như Lâm Đồng, Gia Lai.
- Đối với hoạt động dịch vụ kỹ thuật môi trường, địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Gia Lai và các tỉnh thành ở Miền Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

🚧 Mô hình quản trị

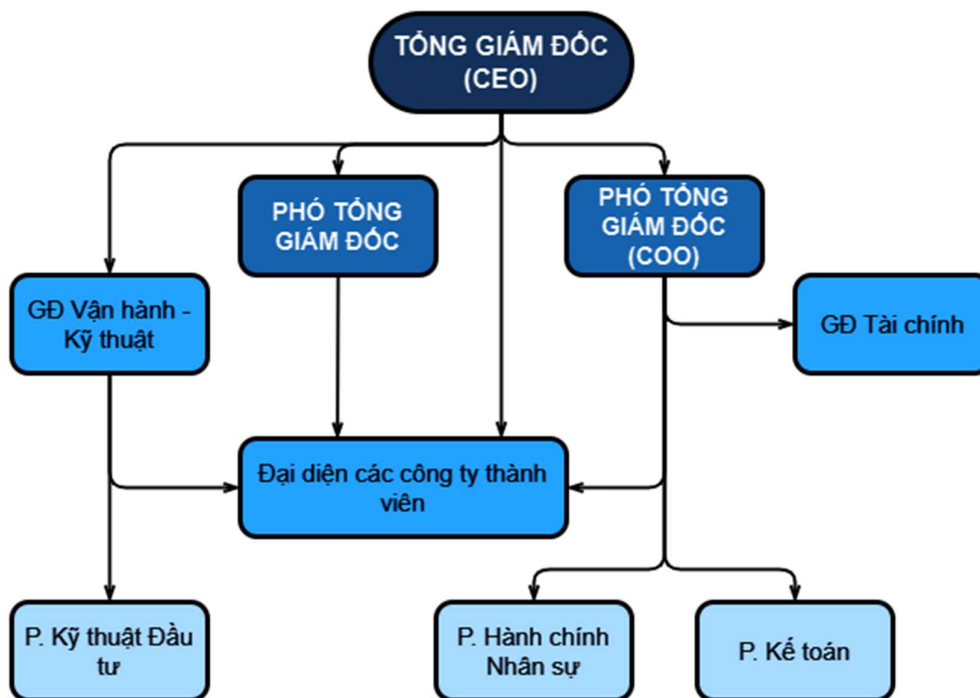
Mô hình quản trị của Saigon Water được thực hiện theo Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022. Theo đó, trong các văn kiện vừa nêu có qui định

những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý của Công ty.

✚ Cơ cấu bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý công ty được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ các bộ phận đảm bảo liên kết chặt chẽ, vận hành linh hoạt và phù hợp với lĩnh vực hoạt động của công ty. Sơ đồ bộ máy tổ chức hoạt động của công ty như sau:

CƠ CẤU TỔ CHỨC SHI (Đề xuất thay đổi)



✚ Các công ty con, công ty liên kết

Tại ngày 31/12/2023 công ty có năm (04) công ty con và ba (03) công ty liên kết, thông tin về các công ty con, công ty liên kết như sau:

Thông tin về công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Thành phố Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2	Công ty Cổ Phần Cấp thoát nước Củ Chi	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
3	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
4	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch

Các công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Tỉnh Gia Lai	49%	49%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
3	Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	49%	49%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch

5. Định hướng phát triển

🚩 Tầm nhìn

“Saigon Water sẽ sớm trở thành biểu tượng số 01 của nhà phát triển hạ tầng trong ngành công nghiệp nước sạch và nước thải tại Việt Nam, việc cung cấp các giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng của chúng tôi để tạo ra lợi nhuận bền vững cho Saigon Water”.



🚩 Sứ mệnh

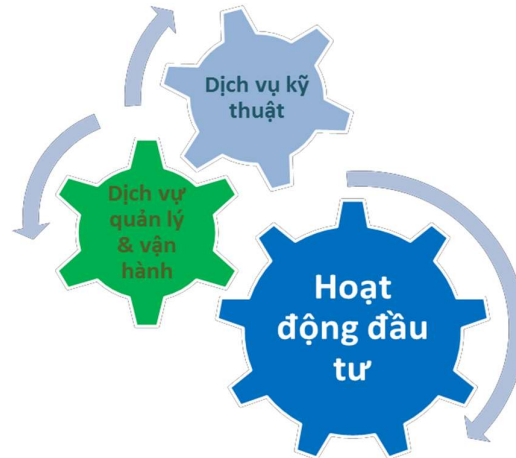
“Cống hiến cho cộng đồng ngành nước với giải pháp tổng thể và góp phần tạo dựng giá trị bền vững của Công ty”.

🚩 Định hướng chiến lược phát triển

Tập trung vào 3 mảng kinh doanh cốt lõi:

- + Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước
- + Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước

- + Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước



❖ **Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước (Investment)**

- Xây dựng và phát triển các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty đã xác định (tạo nguồn hàng)
- Tái cấu trúc các dự án đầu tư hiện hữu để chuẩn hóa lĩnh vực đầu tư tài chính
- Thoát vốn đầu tư cho các đối tác đầu tư chuyên ngành để tái đầu tư vào các dự án mới, vẫn duy trì một tỷ lệ sở hữu thích hợp để đảm bảo hiệu quả cho các nhà đầu tư bằng dịch vụ O&M.

❖ **Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước**

- Cùng đối tác chiến lược thúc đẩy sự hiện diện và tạo ảnh hưởng công nghệ đối với thị trường bằng giải pháp công nghệ và thiết bị chất lượng cao.

❖ **Dịch vụ vận hành bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước**

- Khai thác dịch vụ từ các dự án do Công ty và các đối tác đầu tư.
- Từng bước mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho các khách hàng mới.

✚ **Các mục tiêu đối với môi trường, cộng đồng và xã hội.**

Vấn đề ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái đang là một vấn đề nóng bỏng và ngày càng trở nên trầm trọng. Việt Nam cũng đang phải đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng này. Hơn nữa, Việt Nam phải cam kết thực hiện ngày càng nhiều hơn các quy định quốc tế về bảo vệ môi trường, đảm bảo quá trình phát triển bền vững. Cụ thể, trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, theo thông tin từ Cục hạ tầng Bộ Xây dựng, cư dân đô thị được cung cấp nước qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 92%; tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch đã giảm nhưng vẫn ở mức 17,5%. Đây cũng là một yếu tố làm cho chất lượng các dịch vụ cấp nước hiện có chưa cao, hiệu quả thấp. Ngoài ra, theo thông tin công bố vào tháng 3/2022 từ Bộ Tài nguyên và Môi trường, thì “trung bình mỗi năm, trên địa bàn cả nước thải ra môi trường hơn 3.650 triệu mét khối nước thải

sinh hoạt”; trong khi đó, “cả nước hiện mới xây dựng được 49 nhà máy xử lý nước thải đô thị tập trung với tổng công suất thiết kế 1.181.380 m³/ngày đêm. Hệ thống thoát nước trên toàn quốc đạt 60% nhưng tổng lượng nước thải được thu gom, xử lý tại các đô thị rất thấp, chỉ đạt khoảng 15%, trong đó, tỷ lệ đô thị loại IV trở lên có hệ thống xử lý nước thải tập trung mới đạt khoảng 21,35%”. Điều này cho thấy, chưa đầy 10% sản lượng nước thải hàng ngày được xử lý. Cho nên, nhu cầu xử lý nước thải cũng là một nhu cầu to lớn trong 20 năm tới.

Với khả năng và thế mạnh của mình, cũng như cơ hội của thị trường, Công ty có khả năng cung cấp các giải pháp tổng thể cho ngành (đầu tư, dịch vụ kỹ thuật, vận hành) và sẽ có được những “Giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng tạo nên lợi nhuận bền vững của doanh nghiệp”. Qua đó, “Cống hiến cho cộng đồng những công trình hạ tầng nước thông qua giải pháp tổng thể và mang lại cho doanh nghiệp các giá trị bền vững”.

6. Các rủi ro

Rủi ro đầu tư

Hiện nay hầu hết các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp có dự án thực hiện tại Việt Nam cho nên phải chịu sự điều chỉnh bởi những điều kiện kinh tế, chính trị, luật pháp của Việt Nam. Do ngành hạ tầng nước là ngành có tính địa phương cao, rủi ro về cơ chế chính sách cũng khác nhau ở từng địa phương. Việc đầu tư vào ngành nước cũng chịu rủi ro đến từ bản chất của ngành: đòi hỏi thời gian thu hồi vốn dài nên có thể cần khả năng quản lý nguồn vốn dài hạn để đầu tư dự án.

Hoạt động đầu tư của công ty có thể tăng trưởng và mở rộng trong nhiều lĩnh vực khác nhau đặc biệt là danh mục đầu tư thuộc lĩnh vực hạ tầng nước và các dịch vụ đô thị, môi trường và xã hội. Đây là xu hướng đầu tư chính của công ty theo đúng định hướng của Việt Nam hiện nay là sử dụng nguồn lực trong dân chúng để chia sẻ những khó khăn về tài chính của Chính phủ.

Định hướng phát triển của công ty là linh hoạt trong từng thời điểm phù hợp với những thay đổi về nền kinh tế, chính trị và những quy định hiện hành tại Việt Nam. Những chính sách kinh tế của Việt Nam có thể thay đổi, vì vậy việc lựa chọn đầu tư vào những dự án có tính an toàn cao luôn được ưu tiên hàng đầu đối với Công ty, đây cũng là ưu tiên hàng đầu đối với Công ty cho sự phát triển kinh doanh và triển vọng của Công ty trong tương lai.

Rủi ro liên quan đến các chính sách tín dụng và lãi suất

Ngoài khoản đầu tư bằng vốn góp của các cổ đông, Công ty cũng sử dụng nguồn tài trợ từ các tổ chức tín dụng. Trong thời kỳ kinh tế biến động như hiện nay thì việc kiểm soát nền kinh tế đi đúng định hướng phát triển đất nước và để đảm bảo hạn chế thấp nhất những tác động xấu từ sự vỡ nợ mất thanh khoản của các tổ chức tín dụng thì ngân hàng nhà nước đã đưa ra các quy định nhằm kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của tổ chức tín dụng một cách hợp lý. Lãi suất huy động trong năm tương đối ổn định. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn, 8%-9%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%- 9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm

đối với trung và dài hạn. Lãi suất ổn định và chính sách tín dụng mang tính hỗ trợ cho sự phát triển của kinh tế tư nhân đã tạo điều kiện cho triển khai chiến lược tài chính của Công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, và đại dịch v.v... là những rủi ro bất khả kháng ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Các rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt là đối với các dự án mà Công ty tham gia đầu tư.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2022	So với năm trước		KH 2023	So với kế hoạch	
Sản lượng sản xuất (m3)	18.70	18.72	-0.02	100%	17.50	1.20	107%
Sản lượng mua buôn (m3)	17.13	17.68	-0.55	97%	18.26	-1.13	94%
Sản lượng ghi thu (m3)	29.45	28.90	0.54	102%	30.44	-0.99	97%
SL sản xuất bq ngày (m3/ngày)	51,219	51,274	-55	100%	47,934	3,285	107%
SL mua buôn bq ngày (m3/ngày)	46,931	48,427	-1,496	97%	50,033	-3,102	94%
SL ghi thu bq ngày (m3/ngày)	80,675	79,189	1,485	102%	83,390	-2,716	97%
Tỷ lệ thất thoát (%)	17.8%	20.6%	-2.8%	87%	14.9%	2.9%	120%
Giá bán bình quân (VND/m3)	7,669	7,551	118	102%	7,827	-157	98%
TỔNG DOANH THU	367.67	292.45	75.22	126%	362.87	4.80	101%
Doanh thu nước sạch	225.83	218.25	7.58	103%	238.22	-12.39	95%
Doanh thu thuần xây lắp và cải tạo	8.68	8.56	0.12	101%	11.69	-3.00	74%
Doanh thu xây dựng	8.96	-	8.96		-	8.96	
Doanh thu lĩnh vực khác	-	-	-		-	-	
Doanh thu tài chính	122.25	59.11	63.14	207%	112.42	9.83	109%
Thu nhập khác	1.95	6.53	-4.58	30%	0.55	1.40	357%
TỔNG CHI PHÍ	207.53	210.12	-2.59	99%	219.54	-12.01	95%
Tổng chi phí vận hành trực tiếp	157.59	148.29	9.30	106%	157.01	0.58	100%
Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	49.11	61.15	-12.04	80%	62.00	-12.89	79%
Tổng chi phí bán hàng	0.83	0.67	0.16	123%	0.53	0.30	156%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, LÃI VAY VÀ KHẤU HAO	160.14	82.33	77.82	195%	143.33	16.82	112%
Khấu hao nhà máy, cơ sở vật chất	87.88	86.88	1.00	101%	86.57	1.31	102%
Khấu hao Văn phòng và hành chính	1.64	1.69	-0.05	97%	1.64	0.01	100%
Chi phí lãi vay	84.52	85.04	-0.53	99%	91.62	-7.10	92%
Chi phí khác	0.07	5.15	-5.08	1%	0.00	0.07	6718%
Thu nhập từ cty liên danh, liên kết	85.21	78.16	7.05	109%	89.51	-4.30	95%
Điều chỉnh hợp nhất trước thuế	-107.39	-72.53	-34.86	148%	-98.89	-8.50	109%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	-36.14	-90.81	54.66	40%	-45.87	9.73	79%
Thuế TNDN hiện hành	1.95	2.43	-0.48	80%	2.15	-0.20	91%
Điều chỉnh hợp nhất thuế	-0.51	6.83	-7.34	-7%	3.92	-4.43	-13%

LỢI NHUẬN SAU THUẾ	-38.60	-86.41	47.81	45%	-44.10	5.50	88%
LNST của cổ đông thiểu số	3.74	2.56	1.18	146%	3.94	-0.19	95%
LNST của cổ đông của công ty mẹ	-42.35	-88.97	46.63	48%	-48.04	5.69	88%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cp)	-656	-1,379	723	48%	-745	88	88%

- Doanh thu nước tăng 7,5 tỷ đồng do sản lượng ghi thu tăng 2% so với năm trước. Doanh thu tài chính tăng mạnh hơn 63 tỷ đồng do doanh thu cổ tức từ Tân Hiệp tăng mạnh nhờ khoản cổ tức chi trả thêm. Bên cạnh đó, doanh thu xây lắp, xây dựng tăng gần 9 tỷ, giúp tổng doanh thu hoạt động tăng hơn 75 tỷ so với năm trước.
- Chi phí trực tiếp tăng khoảng 9 tỷ đồng (tương đương 6%) do chủ yếu do tăng 7,5 tỷ đồng chi phí giá vốn hoạt động xây dựng của Enviro. Chi phí gián tiếp giảm khoảng 12 tỷ (tương đương 20%) chủ yếu do giảm hơn 13 tỷ trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi. Tổng chi phí hoạt động năm 2023 do đó giảm khoảng 2,6 tỷ đồng so với năm trước. Mức tổng chi phí thực hiện này cũng thấp hơn kế hoạch khoảng 12 tỷ đồng.
- Do đó, EBITDA của năm 2023 tăng gần 78 tỷ so với năm 2022, đồng thời cao hơn gần 17 tỷ so với kế hoạch.
- Chi phí lãi vay xấp xỉ so với năm 2022 do tuy giảm dư nợ vay nhưng lãi suất vay bình quân trong kỳ lại tăng. Mặt khác, chi phí lãi vay thực hiện năm 2023 thấp hơn kế hoạch 7 tỷ do lãi suất thực tế thấp hơn kế hoạch và tình hình tài chính thực tế khả quan hơn.
- Nhờ vậy, mức lỗ sau thuế giảm gần 48 tỷ so với năm 2022 và cũng thấp hơn mức lỗ theo kế hoạch gần 5,5 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

Danh sách ban điều hành và tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2023:

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Lều Mạnh Huy	Tổng Giám đốc	0,00%
2	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính	0,00%
3	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc	0,00%
4	Nguyễn Khánh Duy	Giám Đốc Vận Hành – Kỹ thuật	0,00%

Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

Ông Lều Mạnh Huy : Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 15/04/1985
- Nơi sinh: Việt Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên

- Địa chỉ thường trú: xã Liên Phương, thành phố Hưng Yên, Hưng Yên
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Cấp thoát nước/ Thạc sỹ Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
- Quá trình công tác:
 - Từ Tháng 4/2008 – Tháng 8/2014 : Tư vấn giám sát thi công, Chi nhánh Công ty nước và môi trường Việt nam tại Tp. Hồ Chí Minh (Viwase).
 - Từ Tháng 8/2014 – Tháng 12/2015: Giám đốc kỹ thuật Công ty TNHH De.mem Việt Nam.
 - Năm 2016 – Năm 2019: Giám đốc Ban QLDA Nhà máy nước Nhị Thành Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP.
 - Từ năm 2019 – năm 2021: Trưởng ban Phát triển Dự án Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP.
 - Từ năm 2021 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư ngành nước DNP
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An
 - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận
 - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp.

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1980
- Nơi sinh : Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gia Lai
- Địa chỉ thường trú: 451/94 Phạm Thế Hiển, Phường 3, Quận 8, Tp. HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA)
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 6/2003 đến tháng 04/2005: Kế toán Công ty TNHH Giao nhận Altus;
 - Từ tháng 04/2005 đến tháng 04/2006: Kế toán TH Công ty Obayashi Corporation;

- Từ tháng 04/2006 đến tháng 02/2010: Trưởng phòng kế toán Công ty Quản lý quỹ Việt Nam (VFM);
 - Từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2014: Quản lý văn phòng Công ty CP CK Hùng Vương;
 - Từ tháng 05/2014 đến tháng 05/2015: Kế toán trưởng Công ty TNHH QLQ ACE Life
 - Từ tháng 05/2015 đến tháng 04/2016: Cố vấn Tài chính kế toán Công ty Riverorchid PR và ALternaty Real Estate Service;
 - Từ 06/2016 đến 09/2023: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water)
 - Từ 10/2023 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Quản lý Vận hành chung kiêm Giám đốc Tài chính.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng Giám đốc Quản lý Vận hành chung kiêm Giám đốc Tài chính.
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Cấp Nước Sài Gòn Đankia.
 - Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Kỹ thuật Enviro.
 - Thành viên Ban kiểm soát Công ty Đầu tư Nước Tân Hiệp.
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII.
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Củ Chi
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn An Khê
 - Thành viên HĐQT kiêm tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Gia Lai.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà: Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 29/10/1980
- Nơi sinh : Kiên Giang
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 458/146, đường 3/2, phường 12, quận 10, Tp. HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA)
- Quá trình công tác:
 - 2002-2004: Kế toán quản trị - L.U.X Company
 - 2004-2005: Kế toán– Nestle company
 - 2008-2010: Kế toán tổng hợp - Vopak Company

- 2011-2014: Kế toán trưởng - Dự án Giảm thất thoát nước của Manila Water Company (MWC) cho SAWACO
 - 2014 – 2019: Kế toán trưởng – CTCP Giải pháp Mạng nước Châu Á
 - 2019- Tháng 6/2023: Trưởng phòng Tài chính Hành chính - Văn phòng đại diện của Manila Water Asia Pacific (MWAP)
 - Tháng 7/2023 - nay: Quản lý Quốc gia - Văn phòng đại diện của Manila Water Asia Pacific (MWAP)
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Ông Nguyễn Khánh Duy: Giám đốc Vận hành Kỹ thuật kiêm Giám đốc Văn phòng Giao dịch Củ Chi

- Ngày tháng năm sinh: 08/11/1981
- Nơi sinh : TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 202/32 đường 40, KP5, P.Bình Trưng Đông, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện – Điện tử, Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 2008 – 2012: Chuyên viên vận hành trung tâm CTCP Xi măng FICO Tây Ninh.
 - Từ 2012 – 2016: Chuyên viên đầu tư Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn.
 - Từ 2016 – 2017: Giám đốc Công ty CP nước Sài Gòn – Cần Thơ.
 - Từ 2017 – đến nay: Giám đốc VPGD Củ Chi – Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn.
 - Từ 2022 – đến nay: Giám đốc CTCP Cấp thoát nước Củ Chi.
 - Từ 2022 – đến nay: Thành viên HĐQT CPCP nước Sài Gòn – Pleiku.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Giám đốc Công ty CP Cấp thoát nước Củ Chi
 - Thành viên HĐQT Công ty CP nước Sài Gòn – Pleiku
 - Thành viên HĐQT Công ty Cấp thoát Nước Gia Lai

🚩 Số lượng lao động trong công ty:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2023	Tỷ lệ trên tổng số nhân viên
Số lượng cán bộ nhân viên (người)	112	97% (chưa bao gồm 3 thành viên BGD)
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	15.315.289	

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2023	Tỷ lệ trên tổng số nhân viên
Phân theo trình độ chuyên môn		
- Đại học và trên đại học (người)	37	32%
- Cao đẳng, trung cấp (người)	33	29%
- Khác (người)	45	39%
Phân theo hợp đồng		
- Hợp đồng không xác định thời hạn(người)	104	90%
- Hợp đồng có xác định thời hạn từ 01 đến 03 năm	11	10%

🚩 Chính sách đối với người lao động Thời gian làm việc:

- Thời gian làm việc của khối văn phòng: 05 ngày/tuần. Buổi sáng: từ 8 giờ đến 12giờ00. Buổi chiều: từ 13giờ00 đến 17giờ00.
- Riêng văn phòng giao dịch Củ Chi, để thực hiện dịch vụ cấp nước 24/24 có lịch làm việc riêng cho từng bộ phận và vẫn đảm bảo tuân thủ số giờ làm việc theo luật lao động quy định.
- Ngày nghỉ hàng tuần: Chiều thứ bảy và chủ nhật.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: được nghỉ theo công bố của Nhà Nước
- Người lao động được nghỉ phép 12 ngày/năm. Cứ làm việc được ba năm sẽ được thêm 1 ngày phép.
- Người lao động được nghỉ lễ, tết theo quy định của Luật Lao động.

🚩 Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Tuyển dụng:

- Công ty chú trọng tuyển dụng những nhân viên phù hợp với yêu cầu của công việc. Công ty khuyến khích việc tuyển dụng nội bộ nhằm tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội phát triển và thăng tiến.
- Bên cạnh đó, Công ty vẫn thực hiện công tác tuyển dụng nhân lực từ bên ngoài. Nhân viên được Công ty tuyển dụng trực tiếp hoặc thông qua các Công ty Tư vấn, Môi giới nhân lực, thi tuyển hoặc sự giới thiệu của nhân viên Công ty, của cơ quan quản lý địa phương.

Đào tạo:

- Công ty chú trọng việc các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn, khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ công tác và đạo đức nghề nghiệp.
- Thực hiện thường xuyên công tác đào tạo nội bộ do các giám đốc, trưởng bộ phận chuyên môn phụ trách.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

Chính sách lương:

Điều 1: Hình thức trả lương căn cứ ghi trên hợp đồng lao động và được thanh toán làm một lần trong khoản thời gian từ ngày 25 của tháng hiện tại tới ngày 5 của tháng liền kề.

Đơn giá trả lương được căn cứ vào mức lương được ghi trên hợp đồng lao động cá nhân. Người lao động khi lãnh lương phải biết được mọi khoản lương được lãnh của mình.

Điều 2: Căn cứ vào Điều 26 của Bộ luật lao động năm 2019, tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều phải qua thời gian thử việc và được hưởng 85% lương căn bản theo cấp bậc công việc hoặc theo Bộ luật hiện hành. Sau thời gian thử việc nếu người lao động được chính thức ký hợp đồng tuyển dụng thì sẽ được hưởng 100% lương căn bản theo cấp bậc công việc.

Điều 3: Nếu có nhu cầu làm thêm giờ thì người lao động được trả lương làm thêm giờ theo điều 98 Chương VI của Bộ luật lao động năm 2019.

- Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%.
- Vào ngày nghỉ hàng tuần, ít nhất bằng 200%.
- Vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300%.
- Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường.
- Người lao động làm việc thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương theo quy định, người lao động còn được trả thêm 20% tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc ban ngày.

Khen thưởng

- Chế độ khen thưởng theo quy định pháp luật lao động, Quy chế lương và Nội quy lao động Công ty,
- Thưởng ít nhất 01 tháng lương (tháng lương thứ 13) cho Người lao động theo mức lương trên HĐLĐ và tùy vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các phúc lợi khác:

Được trích từ chi phí của Công ty, Quỹ khen thưởng phúc lợi các khoản chăm lo cho người lao động cụ thể như sau:

- Hằng năm, tổ chức cho người lao động tham quan, nghỉ mát một lần, về chi phí tùy theo tình hình kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động.
- Tiền đồng phục tối đa: 2.000.000 đồng/01 người/ 01 năm, không chi tiền mặt, nếu chi không hết sẽ chuyển vào quỹ cho các năm tiếp theo.
- Các khoản phúc lợi liên quan đến hiếu hỉ, ma chay, ốm đau...theo Thỏa ước lao động tập thể.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong 2023, Công ty tiếp tục đạt được nhiều kết quả khả quan trong việc vận hành và quản lý các dự án. Những kết quả này đạt được cũng nhờ phần lớn từ sự nỗ lực của ban điều hành trong quá trình thương thảo để đạt được những cam kết nhất định, không chỉ từ các chính quyền địa phương mà còn từ các tổ chức tài chính và khách hàng mới. Những thành tựu nổi bật trong hoạt động đầu tư, vận hành các dự án của công ty trong năm như sau:

- Tăng sản lượng cấp nước tại tất cả các công ty thành viên
- Tìm kiếm và huy động được các nguồn tài chính để đáp ứng như cầu tài chính cho hoạt động kinh doanh cũng như thanh toán nghĩa vụ trả nợ.
- Tiếp tục duy trì việc quản lý chặt chẽ chi phí hoạt động, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động trong điều kiện khó khăn về tài chính.
- Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia (Saigon Water hiện sở hữu 90% vốn điều lệ) đã trả hết nợ vay đầu tư dự án từ giữa năm 2021 và từ đó đến nay tỷ suất lợi nhuận ròng đạt trung bình khoảng 21,6%.
- Công ty cổ phần Cấp Nước Gia Lai (Saigon Water hiện sở hữu 51% vốn điều lệ) đã thoát lỗ từ năm 2019; tỷ suất lợi nhuận ròng trong giai đoạn 2019-2023 khoảng 8,3%; dự kiến tỷ suất lợi nhuận sẽ được nâng cao trong các năm sau khi hoạt động kinh doanh tiếp tục được cải thiện; công ty hiện nay không còn dư nợ.
- Dự án nhà máy nước Tân Hiệp 2 đã đi vào hoạt động từ 2017 và từ đó đến nay liên tục đạt được thành quả tốt, mang lại nguồn thu lớn cho Công ty với tỷ suất lợi nhuận ròng luôn ở mức cao (44% năm 2023, trung 2021-2023 khoảng 41%). Trong tương lai, khi dự án hoạt động hết công suất và với việc trả dần các khoản nợ vay thì tỷ suất này sẽ được nâng cao hơn nữa.
- Kết quả của các dự án đầu tư này là các bước hiện thực hóa mục tiêu đóng góp cho ngành hạ tầng nước tại Việt Nam và củng cố thêm vị thế của Công ty trên thị trường.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	2022	% thay đổi
Tổng giá trị tài sản	2,170.30	2,225.26	-2%
Vốn chủ sở hữu	937.03	1,291.52	-27%
Doanh thu thuần	243.38	224.80	8%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-38.02	-91.75	-59%
Lợi nhuận khác	1.88	0.94	99%
Lợi nhuận trước thuế	-36.14	-90.81	-60%
Lợi nhuận sau thuế	-38.60	-86.41	-55%

Chỉ tiêu	2023	2022	% thay đổi
LNST của công ty mẹ	-42.35	-88.97	-52%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2023	31/12/2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.56	0.31
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.22	0.23
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	56.8%	42.0%
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1.32	0.72
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay khoản phải thu ngắn hạn	Lần	2.88	5.04
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	16.99	14.49
- Vòng quay tổng tài sản	Lần	-0.02	-0.04
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-15.9%	-38.1%
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-3.5%	-6.5%
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	-1.8%	-3.8%
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-15.6%	-40.8%
+ Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	Đồng	-656	-1,379

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành tính đến ngày 31/12/2023: 64.522.104 cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đang niêm yết Upcom tính đến ngày 31/12/2023: 64.522.104 cổ phiếu phổ thông

5.2. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2023

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ trọng
1	Cổ đông trong nước	155	32.956.557	51,08%
	Cá nhân	139	6.583.629	10,20%
	Tổ chức	16	26.372.928	40,87%
2	Cổ đông nước ngoài	19	31.565.547	48,92%
	Cá nhân	13	2.047	0,003%
	Tổ chức	6	31.563.500	48,92%
Tổng cộng		174	64.522.104	100,00%

🚩 **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023**

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
-----	-------------------------	-----------------------------	----------	---------	----------------------	---------------------

1	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh	0302483177	24/12/2001	Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, P.25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	7.974.300	12,36%
2	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Ngành Nước DNP	2400813885	02/03/2023	Thôn Càn, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	12.259.200	19,00%
3	Manila Water South Asia Holdings Pte.Ltd.	CA6598	27/09/2013	38 Beach Road, #29-11 South Beach Tower, Singapore 189767	24.516.000	38,00%
	Viac (No.1) Limited Partnership	CA5360	12/07/2011	24 Raffles Place #22-00 Clifford Centre, Singapore (048621)	7.034.700	10,90%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động môi trường

- Luôn tuân thủ các quy trình và thủ tục lấy nước thô của chính quyền và địa phương cho các nhà máy xử lý nước;
- Hoàn thiện hồ sơ cam kết môi trường khi bắt đầu dự án mới;
- Phối hợp vận hành với các nhà máy nước và đội quản lý mạng cấp nước nhằm kiểm soát và tiết kiệm được lượng điện năng, hóa chất tiêu thụ một cách;
- Xây dựng quy định, cũng như các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn điện theo chương trình tiết kiệm điện của các sở ban ngành;
- Xây dựng và thực hiện các chính sách về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phòng chống cháy rừng và phương án quản lý bảo vệ rừng cho các nhà máy tại các tỉnh thành.

6.2. Tác động xã hội

- Với mục tiêu đóng góp cho cộng đồng thông qua sản phẩm và dịch vụ của Công ty, với từng dự án được triển khai, Công ty đều có sự chú trọng đến tác động xã hội trong công tác tuyển dụng, đào tạo, kiến tạo môi trường làm việc và cộng đồng trong khu vực của dự án. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công việc luôn có ưu tiên cho lao động tại địa phương nơi dự án hình thành và phát triển. Công ty đặc biệt quan tâm đến các chính sách, chế độ tiền lương cho người lao động, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tương xứng với sự phát triển của công ty.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Trong năm 2023, Saigon Water tiếp tục đặt mục tiêu nâng cao hiệu quả đầu tư thông qua việc tập trung cải thiện hiệu quả hoạt động vận hành của các công ty thành viên, nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp để giúp tăng doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh nước sạch, đồng thời phối hợp, làm việc với các sở ban ngành tại các địa phương để thúc đẩy việc thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến cấp nước đem lại nhiều lợi ích cho Công ty. Với định hướng đó, Công ty đã có nhiều hoạt động nhằm đảm bảo thực hiện được các mục tiêu kinh doanh đề ra. Mặc dù vẫn còn nhiều thử thách với nguồn vốn và nhân lực giới hạn, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao và kịp thời của Hội đồng quản trị, cùng với sự đồng tâm nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty vẫn đạt được những bước cải thiện đáng kể so với năm trước.

Những tiến bộ đã đạt được

Công ty đã đạt được những tiến bộ quan trọng trong năm 2023, đem lại những tiềm năng tăng trưởng và phát triển trong tương lai, bao gồm:

- Công ty đã tăng sản lượng cấp nước tại tất cả các công ty thành viên, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Công ty đã thành công trong việc tìm kiếm và huy động được các nguồn tài chính để đáp ứng nhu cầu tài chính cho hoạt động kinh doanh và thanh toán nghĩa vụ trả nợ, đảm bảo hoạt động của công ty được duy trì và phát triển một cách ổn định;
- Công ty đã quản lý chặt chẽ chi phí hoạt động và không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động trong điều kiện khó khăn về tài chính.
- Công ty cũng đẩy mạnh công tác số hóa, hiện đại hóa công tác quản lý vận hành.

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Tổng tài sản cuối năm 2023 đạt 2.170.303 triệu đồng, cụ thể như sau:

TÀI SẢN (Đvt: triệu đồng)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Thay đổi
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	155,623	137,058	18,565
1. Tiền và tương đương tiền	8,411	18,140	-9,728
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	17,000	10,302	6,698
3. Các khoản phải thu	95,973	73,008	22,965
4. Hàng tồn kho	14,286	14,597	-312
5. Các tài sản ngắn hạn khác	19,953	21,012	-1,059
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	2,014,680	2,088,206	-73,526

TÀI SẢN (Đvt: triệu đồng)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Thay đổi
1. Các khoản phải thu dài hạn	110	105	5
2. Tài sản cố định	1,624,408	1,688,117	-63,708
3. Tài sản dở dang dài hạn	3,298	2,696	603
4. Đầu tư tài chính dài hạn	365,722	372,312	-6,590
5. Các tài sản dài hạn khác	21,141	24,977	-3,836
TỔNG TÀI SẢN	2,170,303	2,225,264	-54,962

Tình hình nợ phải trả

Tổng các khoản nợ đến cuối năm 2023 là khoảng 1.233,28 tỷ đồng, tăng gần 300 tỷ đồng so với cuối năm 2022. Các khoản nợ này đa phần là từ các khoản vay từ ngân hàng để hỗ trợ cho Dự án Củ Chi và một phần từ các khoản nợ còn phải thanh toán cho các đối tác. Chi tiết các khoản nợ của công ty như sau:

Đvt: triệu đồng

NỢ PHẢI TRẢ	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Thay đổi
I. NỢ NGẮN HẠN	99,665	448,240	-348,575
1. Phải trả người bán ngắn hạn	40,606	39,502	1,104
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1,119	150	969
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2,387	2,601	-214
4. Phải trả người lao động	2,368	1,477	890
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	8,437	10,433	-1,996
6. Phải trả ngắn hạn khác	1,881	33,362	-31,481
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	42,518	360,383	-317,864
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	349	332	17
II. NỢ DÀI HẠN	1,133,610	485,507	648,102
1. Phải trả người bán dài hạn	308,700	-	308,700
2. Phải trả dài hạn khác	20,317	-	20,317
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	791,343	472,767	318,576
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	13,250	12,740	510
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	1,233,275	933,748	299,528

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã tiến hành thay đổi cơ cấu tổ chức để phù hợp với hoạt động hiện tại nhằm duy trì sự bền vững của Công ty cũng như đạt mục tiêu phát triển trong vòng 5 năm tới.
- Nhìn chung, cơ cấu tổ chức mới phù hợp với nhu cầu hỗ trợ và kết nối trong giai đoạn

hiện nay. Các phòng ban, các công ty con trực thuộc và công ty liên kết được tăng cường kênh trao đổi thông tin, thúc đẩy sự phối hợp giữa các phòng ban, các Công ty con, các dự án trong Danh mục Quản lý, hướng đến hoạt động của Công ty ngày một hiệu quả và đồng bộ.

4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2024

Tình hình kinh doanh năm 2024 dự kiến sẽ được cải thiện hơn so với năm 2023 khi doanh thu hoạt động của các đơn vị thành viên đều tăng, giúp Công ty giảm lỗ đáng kể so với năm 2023. Ban Điều hành sẽ tiếp tục nỗ lực để giải quyết những khó khăn về sản xuất cũng như thực hiện các giải pháp tài chính để giúp Công ty cải thiện kết quả kinh doanh, giảm áp lực tài chính và giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài, tiến tới tự cân đối được tài chính. Các mục tiêu và giải pháp chủ yếu như sau:

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các dự án, các Công ty thành viên;
- Tiếp tục tìm kiếm các giải pháp tài chính cho các nghĩa vụ tài chính thông qua việc khai thác các tài sản hiện có;
- Những kế hoạch hành động thiết yếu của Ban điều hành là động lực chính để dẫn dắt công ty đạt lợi nhuận tốt và tăng giá trị thương mại phục vụ lợi ích cho tất cả cổ đông.

🚩 Nâng cao hiệu quả hoạt động của các dự án, các Công ty thành viên

- Dự án Củ Chi:
 - Tăng số lượng khách hàng khối sản xuất, qua đó tăng sản lượng ghi thu và giá bán bình quân.
 - Tiếp tục làm việc với UBND Thành phố, các sở ban ngành và các KCN trên địa bàn để thúc đẩy việc chuyển từ nước ngầm sang sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp. Cùng với đó, Công ty sẽ thực hiện các giải pháp để buộc các đơn vị cấp nước khác trên địa bàn chuyển giao quyền cung cấp nước cho các doanh nghiệp trong KCN hoặc mua nước sỉ do Công ty cung cấp.
 - Thực hiện công tác chuyển đổi số.
 - Tăng cường các biện pháp giảm thất thoát nước phân đấu tỷ lệ thất thoát, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Công ty Saigon Dankia:
 - Kiểm soát chi phí hoạt động, tiết giảm chi phí;
 - Tìm giải pháp đầu tư trạm tăng áp để đảm bảo cấp nước theo sản lượng đã cam kết với chi phí hợp lý.
- Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia lai
 - Tăng cường các giải pháp giảm thất thoát nước;
 - Phối hợp với BQL dự án TP. Pleiku thực hiện các thủ tục để được hỗ trợ chi phí đầu tư cải tạo thay thế mạng cấp nước trong dự án cải tạo và nâng cấp đô thị.
 - Thực hiện công tác chuyển đổi số.

- Phối hợp với SXD, sở TNMT thực hiện các giải pháp giảm khai thác nước ngầm tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.
- Công ty cổ phần Cấp nước Saigon Pleiku
 - Kiểm soát chi phí hoạt động, tiết giảm chi phí;
 - Thực hiện các thủ tục cấp nước cho khu CN Trà Đa;
- Công ty cổ phần cấp nước SG-An Khê
 - Kiểm soát chi phí hoạt động, tiết giảm chi phí;
 - Tăng cường các giải pháp giảm thất thoát nước;
 - Thực hiện công tác chuyển đổi số.

🚧 Tiếp tục tìm kiếm các giải pháp tài chính cho các nghĩa vụ tài chính thông qua việc khai thác các tài sản hiện có

- Huy động các nguồn vốn mới: các tài sản là cổ phần của các công ty nêu trên đều có thể dùng làm tài sản thế chấp để huy động vốn (ngoại trừ cổ phần Tân Hiệp đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho CII thế chấp cho khoản trái phiếu của CII). Tuy nhiên trong bối cảnh Công ty gặp khó khăn trong việc huy động vốn từ bên ngoài do đang chịu lỗ, Công ty sẽ phải tìm giải pháp thoái vốn một số khoản đầu tư.

🚧 Công tác quản lý điều hành

- Tinh gọn danh mục bằng cách thoái vốn một số dự án không hiệu quả ra khỏi danh mục. Tìm đối tác chuyển nhượng một số dự án theo chỉ đạo của HĐQT, ... xây dựng kế hoạch dòng tiền đảm bảo khả năng trả nợ cũng như chi phí hoạt động giúp công ty phát triển bền vững.
- Tích cực làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm thực hiện quyền cấp nước, tăng sản lượng, thay đổi cơ cấu khách hàng theo hướng tăng tỷ trọng khách hàng doanh nghiệp, sản xuất.
- Tăng cường các giải pháp kỹ thuật để giảm thất thoát nước, giảm tiêu hao điện năng;
- Áp dụng CNTT trong quản lý, tăng cường các kênh thu hộ để giảm chi phí hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ.

🚧 Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

Dựa trên những dự đoán có căn cứ với các số liệu chi tiết mà Công ty cho là hợp lý về những hoạt động đầu tư, tình hình kinh tế, môi trường kinh doanh cũng như những định hướng chiến lược Công ty đã vạch ra, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2024 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	Thực tế 2023	Kế hoạch 2024	% thay đổi
1. Tổng doanh thu	345,48	385,31	11,5%
2. Tổng chi phí	381,64	383,52	0,5%
3. Lợi nhuận trước thuế	-36,15	1,79	-105,0%
4. Lợi nhuận sau thuế	-38,61	-1,82	-95,3%
5. Lợi nhuận còn lại sau lợi ích cổ đông thiểu số	-42,50	-8,86	-79,2%

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

Phát triển Công ty thành một tổ chức hoạt động kinh doanh chuyên về lĩnh vực Hạ tầng nước bao gồm ba mảng chính:

- Đầu tư phát triển các dự án về cung cấp nước sạch, xử lý nước thải,
- Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì trong lĩnh vực môi trường nước.

Đầu tư phát triển các dự án về cung cấp nước sạch, xử lý nước thải:

Công ty sẽ tập trung nghiên cứu và phát triển các dự án tốt trong lĩnh vực môi trường bao gồm:

- Nghiên cứu tìm kiếm các dự án trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, rác thải.
- Đầu tư vào các doanh nghiệp hoặc các dự án hoạt động trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải.

Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước:

- Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu, phát triển các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường cho Công ty.

Định hướng phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường hoạt động tìm kiếm nguồn nhân sự cho các vị trí quản lý cấp cao để đáp ứng cho nhu cầu phát triển của công ty trong những năm tới.
- Có kế hoạch mang tính chủ động đối với lực lượng lao động trực tiếp nhằm đáp ứng và duy trì hoạt động đầu tư tại mọi thời điểm theo yêu cầu.
- Từng bước xây dựng và hoàn thiện các chế độ tiền lương và đãi ngộ đối với người lao động, thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm, các chính sách đảm bảo an toàn lao động nhằm thu hút người tài, người có tâm huyết đối với Công ty.

6. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Liên quan đến môi trường

- Luôn kết hợp thực hiện các nghiên cứu tác động môi trường trong giai đoạn lựa chọn, xây dựng và phát triển dự án;
- Tăng cường công tác kiểm tra chặt chẽ hệ thống tuyến ống và các trang thiết bị cấp nước để kịp thời khắc phục sửa chữa, duy tu các sự cố hư hỏng xảy ra, nhằm hạn chế tình hình thất thoát nước;
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống máy móc để nâng cao tuổi thọ hoạt động của máy.
- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc lịch trực vận hành, trực xử nước đảm bảo chất lượng đúng quy trình kỹ thuật.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp vào sản xuất để vận hành nhà máy tối ưu nhất.

6.2. Liên quan đến xã hội

- Cam kết đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng, tăng cường tìm hiểu nhu cầu sử dụng nước sạch tại địa phương nhằm đảm bảo người dân được tiếp cận với nguồn nước chất lượng cao.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng để cập nhật tiêu chuẩn và quy chuẩn an toàn của nguồn nước.
- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật cho người lao động trong công ty, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc, nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân.
- Tiếp tục phát huy các hoạt động chăm sóc cộng đồng trong các năm trước.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá về hoạt động của Công ty

- **Tăng trưởng sản lượng:** Tổng sản lượng ghi thu của các công ty con đạt gần 29,5 triệu m³, tăng nhẹ khoảng 2% so với năm trước do sản lượng ghi thu tại các công ty này đều được cải thiện. Sản lượng bán lẻ chiếm 65% và sản lượng bán buôn chiếm 35%.
- **Tăng trưởng doanh thu:** Nhờ tăng trưởng sản lượng, doanh thu cung cấp nước sạch của công ty tăng 3%, tương ứng khoảng 8 tỷ so với năm 2022.
- **Doanh thu tài chính:** Doanh thu tài chính tăng 63 tỷ so với năm trước với nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2022 Công ty không nhận tạm ứng cổ tức từ CTCP Đầu tư nước Tân Hiệp (“Tân Hiệp” hoặc “THW”) vào tháng 12 mà ghi nhận vào tháng 01/2023, đồng thời trả thêm 20,6 tỷ cổ tức từ nguồn vốn thặng dư, khiến mức cổ tức ghi nhận từ Tân Hiệp trong năm 2023 tăng khoảng 62 tỷ so với năm 2022. Bên cạnh đó, CTCP Cấp thoát nước Gia Lai (“CTN Gia Lai”) không chia cổ tức trong năm 2022 trong khi ghi nhận 4,6 tỷ vào năm 2023.
- **Lợi nhuận được cải thiện:** Tình hình lợi nhuận hợp nhất của các công ty vào SII đều được cải thiện.
 - o Văn phòng SII: nguồn thu từ cổ tức của Tân Hiệp và CTN Gia Lai tăng mạnh
 - o Dự án Cù Chi và CTCP Nước Sài Gòn An Khê (“SAW” hoặc “Saigon An Khê”): giảm lỗ do hoạt động kinh doanh được phục hồi và tăng trưởng.
 - o CTCP Cấp nước Sài Gòn – Đan Kia (“SDW” hoặc “Saigon Dankia”): xấp xỉ mức năm trước.
 - o CTN Gia Lai: tổng doanh thu xấp xỉ năm trước nhưng do chi phí mua si từ SPW và chi phí lương tăng nên lợi nhuận giảm so với năm 2022.
 - o CTCP Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (“SPW” hoặc “Saigon Pleiku”): hoạt động kinh doanh có tăng trưởng nhưng do chi phí lãi vay tăng nhanh nên tăng lỗ so với 2022.
 - o Tân Hiệp: tăng lợi nhuận do nâng cao hiệu quả quản lý.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc công ty thông qua việc ban hành kịp thời các nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty. Tổng

giám đốc và các thành viên Ban điều hành đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành các hoạt động của Công ty, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình HĐQT xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

Năm 2023 có những khó khăn, thách thức trong việc quản lý danh mục dự án, ổn định hoạt động của các dự án đã đi vào vận hành cũng như cố gắng mở rộng thị phần cấp nước. Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và của Công ty nói riêng, Ban điều hành Công ty đã nỗ lực trong việc triển khai thực hiện kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua và đạt được những cột mốc đáng ghi nhận đối với các dự án. HĐQT hết sức ghi nhận sự nỗ lực của Ban Điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên Công ty trong năm qua.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, trong năm 2024, Hội đồng Quản trị sẽ tập trung thực hiện các hoạt động chủ yếu sau đây:

- Hội đồng quản trị vẫn sẽ linh hoạt và kiên định trong việc cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm phục vụ cho lợi ích của các cổ đông;
- Duy trì và phát triển mối quan hệ với các cơ quan, ban ngành, bao gồm cả lĩnh vực tư nhân và tổ chức chính quyền, nhằm gia tăng kết nối để tăng sản lượng cung cấp của các nhà máy nước và mạng cấp nước hiện hữu, tăng giá bán nước sỉ và lẻ;
- Chỉ đạo công tác huy động vốn đảm bảo việc cung ứng vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời giám sát chặt chẽ khả năng thanh toán của công ty;
- Triển khai thực hiện tốt các mục tiêu đã được đại hội đồng cổ đông thông qua, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SX- KD và đầu tư phát triển năm 2024.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) của công ty gồm 9 thành viên. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ CP (đại diện)
1	Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0%
2	Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên HĐQT	0%
3	Bà Phan Thùy Giang	Thành viên HĐQT	0%
4	Ông Hoàng Minh Hùng	Thành viên HĐQT	0%
5	Ông Lê Mạnh Huy	Thành viên HĐQT	0%
6	Ông Roberto Jose Rialp Locsin	Thành viên HĐQT	0%
7	Ông Philip Marc L. Hermann	Thành viên HĐQT	0%

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ CP (đại diện)
8	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Thành viên HĐQT	0%
9	Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên HĐQT	0%

1.2. Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2023, các buổi họp của HĐQT được tổ chức định kỳ theo như quy định của Điều lệ công ty. HĐQT đã tổ chức các buổi họp và ban hành 24 Nghị quyết với những nội dung sau:

Stt	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/2023/SGW/NQ-HĐQT	11/01/2023	- Chấp thuận giải thể Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư nước SGN theo Tờ trình số 74/2022/SGW-TT ngày 23 tháng 12 năm 2022.
02	02/2023/SGW/NQ-HĐQT	11/01/2023	- Chấp thuận phương án thoái vốn tại Công ty cổ phần nước Sài Gòn – An Khê (“SAW”) theo nội dung Tờ trình số 75/2022/SGW-TT ngày 23 tháng 12 năm 2022;
03	03/2023/SGW/NQ-HĐQT	10/03/2023	- Chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2022; thời gian chốt danh sách là vào ngày 30 tháng 03 năm 2023.
04	04/2023/SGW-HĐQT-NQ	24/03/2023	- Chấp thuận phương án hỗ trợ vốn cho Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn – Pleiku theo nội dung tại Mục 3 của Tờ trình số 18/2023/SGW-TT ngày 16 tháng 03 năm 2023.
05	05/2023/SGW-HĐQT-QĐ	22/03/2023	- Thông qua việc đề cử ứng viên tham gia thành viên HĐQT của Công ty CP Cấp thoát Nước Gia Lai của ông Vũ Văn Tuấn.
06	06/2023/SGW-HĐQT-NQ	05/04/2023	- Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch năm 2023 theo Báo cáo ngày 24/03/2023 của Ban Điều hành - Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Tờ trình số 24/2023/SGW-TT ngày 24/03/2023 của Ban Điều hành. - Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2023 theo Tờ trình số 23/2023/SGW-TT ngày 24/03/2023 của Ban Điều hành. - Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2023 theo Tờ trình số 25/2023/SGW-TT ngày 24/03/2023 của Ban Điều hành. - Thống nhất chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 gồm các nội dung sau đây: (i) Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành; (ii) Báo cáo một số nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông: + Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2022 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022;

			<ul style="list-style-type: none"> + Tờ trình về Kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2023; + Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023. <p>(iii) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).</p> <p>- Thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức và chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn tại Tờ trình số 26/2023/SGW/HĐQT-TTr ngày 24/03/2023 của Ban điều hành, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian: 14 giờ 00 phút, ngày 27/04/2023. + Địa điểm: Văn phòng Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Tp.HCM. <p>- Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.</p>
07	07/2023/SGW-HĐQT-NQ	25/04/2023	<p>- Chấp thuận việc Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn nhận hỗ trợ tài chính theo nội dung đề nghị tại Tờ trình số 31/2023/SGW-TT ngày 19 tháng 04 năm 2023.</p> <p>- Giao cho Tổng Giám đốc chủ động đàm phán, ký kết Hợp đồng hỗ trợ vốn và thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận hỗ trợ vốn, đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>- Đối với phần vốn nhận hỗ trợ từ ông Nguyễn Văn Thành, thông qua nội dung hợp đồng hỗ trợ vốn giữa Công ty và ông Nguyễn Văn Thành theo dự thảo đính kèm; và giao cho ông Lê Văn Nam – Phó Tổng Giám đốc Công ty – được đại diện Công ty ký kết hợp đồng hỗ trợ vốn giữa Công ty và ông Nguyễn Văn Thành.</p>
08	08/2023/SGW/NQ-HĐQT	25/04/2023	<p>- Thông qua việc bổ sung vào chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 nội dung: “Thông qua việc miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ nhiệm; và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị”; và “Thông qua việc miễn nhiệm các thành viên Ban kiểm soát có đơn từ nhiệm; và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát”. Theo đó, chương trình ĐHĐCĐ theo Nghị quyết số 06/2023/SGW/HĐQT-NQ ngày 05 tháng 04 năm 2023, sau khi bổ sung sẽ gồm nội dung sau đây:</p> <p>(i) Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành;</p> <p>(ii) Báo cáo một số nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tờ trình thông qua Báo cáo đã kiểm toán 2022 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022. + Tờ trình về Kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2023; + Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023. <p>(iii) Thông qua việc miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ nhiệm; và bầu bổ sung thành</p>

			<p>viên Hội đồng quản trị;</p> <p>(iv) Thông qua việc miễn nhiệm các thành viên Ban kiểm soát có đơn từ nhiệm; và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>(v) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).</p>
09	09/2023/SGW/ NQ-HĐQT	05/05/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận việc cản trừ khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đầu tư SGN 220 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn vào khoản công nợ phải trả mà Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn đang nợ công ty Công ty TNHH MTV Đầu tư nước SGN theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 001/2017/HĐĐT-SGW ngày 03 tháng 01 năm 2017; - Giao cho Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc cản trừ khoản công nợ tại Mục 1 của Tờ trình số 28/2023/SGW/TT ngày 17 tháng 04 năm 2023.
10	10/2023/SGW/ NQ-HĐQT	09/05/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Cử người đại diện vốn theo uỷ quyền tại Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp và Đề cử tham gia ứng cử Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, nhiệm kỳ 2023-2039; - Đề cử tham gia ứng cử Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp, nhiệm kỳ 2023-2039.
11	11/2023/SGW- HĐQT-NQ	25/05/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận cho Văn phòng giao dịch Củ Chi sử dụng phần mềm WOP do Công ty CP Atis cung cấp thay thế phần mềm CRM của Cần Thơ Wassco.
12	12/2023/SGW/ HĐQT-NQ	24/8/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối năm 2023. - Thông qua việc thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công ty - Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty đối với ông Nguyễn Văn Thành kể từ ngày Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi nội dung về người đại diện theo pháp luật của Công ty. - Thông qua đơn từ nhiệm của ông Ngô Đức Vũ và thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đối với ông Ngô Đức Vũ - Bầu ông Nguyễn Văn Thành đảm trách chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế ông Ngô Đức Vũ - Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Lê Mạnh Huy; đồng thời, bổ nhiệm ông Lê Mạnh Huy đảm trách chức vụ Tổng Giám đốc thay thế ông Nguyễn Văn Thành - Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Tendencia Espejon John Walter; đồng thời, bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Ngọc Hà đảm trách chức vụ Phó Tổng Giám đốc thay thế ông Tendencia Espejon John Walter - Thông qua việc thay đổi, bổ sung người đại diện theo pháp luật của Công ty

			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc trình Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp gần nhất để quyết định sửa đổi Điều 3 của Điều lệ ngày 27 tháng 04 năm 2021 của Công ty - Thống nhất chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023 gồm các nội dung sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Về việc thay đổi, bổ sung người đại diện theo pháp luật, và sửa đổi Điều 3 của Điều lệ ngày 27 tháng 04 năm 2021 của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn; + Về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính, và sửa đổi Điều 2.3 của Điều lệ ngày 27 tháng 04 năm 2021 của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn; - Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau: (i) chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023; (ii) ký các văn bản liên quan đến việc chốt danh sách cổ đông, các văn bản liên quan đến triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023; (iii) quyết định và thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023.
13	13/2023/SGW/HĐQT-NQ	28/8/2023	- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023.
14	14/2023/SGW/HĐQT-QĐ	21/9/2023	- Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023;
15	15/2023/SGW/HĐQT-NQ	28/9/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bổ sung mức phụ cấp của Chủ tịch hội đồng quản trị là 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng) mỗi tháng. Mức phụ cấp sẽ trình Đại hội cổ đông trong đợt Đại hội cổ đông gần nhất; - Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc và chức danh Giám đốc hành chính kiêm Người phụ trách quản trị của Công ty đối với ông Lê Văn Nam từ ngày 01 tháng 10 năm 2023. - Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng; bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị công ty đối với bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh từ ngày 01 tháng 10 năm 2023. - Thông qua việc bổ nhiệm thêm chức danh Giám đốc Vận hành – Kỹ thuật đối với ông Nguyễn Khánh Duy từ ngày 01 tháng 10 năm 2023. - Thông qua việc bổ nhiệm bà Hồ Thị Xuân đảm trách vị trí phụ trách kế toán của Công ty từ ngày 01 tháng 10 năm 2023. - Ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động hoặc phụ lục hợp đồng lao động cũng như bảng phân công công việc và các hồ sơ liên quan đến nhân sự cho các thành viên Ban giám đốc, người phụ trách kế toán.
16	16/2023/SGW/HĐQT-NQ	13/10/2023	- Thông qua việc điều chỉnh thời gian, địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023.
17	17/2023/SGW/HĐQT-NQ	25/10/2023	- Thông qua việc điều chỉnh thời gian, địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023.

18	18/2023/SGW/ HDQT-NQ	31/10/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Sửa đổi Điều 4 của Thỏa Thuận Quyền Chọn Bán như sau: “4. THỜI HẠN THỰC THI QUYỀN CHỌN BÁN Quyền Chọn Bán có thể được thực thi vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày diễn ra bất kỳ sự kiện nào nêu tại điều 2 cho đến ngày 30 tháng 10 năm 2024. Vì mục đích của điều 4 này, ngày thực thi Quyền Chọn Bán là ngày Nhà Đầu Tư gửi Thông Báo Thực Hiện Quyền cho SGW và không phải là ngày SGW được xem là nhận được Thông Báo Thực Hiện Quyền theo quy định tại điều 14.4.” - Giao cho Tổng Giám đốc ký kết Thỏa Thuận sửa đổi Thỏa Thuận Quyền Chọn Bán theo nội dung nêu trên.
19	19/2023/SGW/ HDQT-NQ	03/11/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất nội dung và thông qua việc bổ sung Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư vào Chương trình hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023 của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn. - Thống nhất nội dung và thông qua việc bổ sung Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc Chấp thuận việc từ nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty vào Chương trình hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023 của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn. - Thống nhất nội dung và thông qua việc bổ sung Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc Công ty cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP mua cổ phiếu từ cổ đông hiện hữu mà không chào mua công khai vào Chương trình hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023 của Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.
20	20/2023/SGW/ HDQT-NQ	17/11/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận việc vay vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn. - Giao cho Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc ký kết các văn bản để thực hiện các nội dung trên.
21	21/2023/SGW/ HDQT-NQ	23/11/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận việc Công ty thực hiện giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phần của Công Ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Củ Chi từ các bên chuyên nhượng, bao gồm cả giao dịch với bên có liên quan - Giao cho Tổng Giám đốc đàm phán, thoả thuận, ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Bên Chuyển Nhượng và thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển nhượng cổ phần từ Bên Chuyển Nhượng - Thống nhất bổ sung nội dung giao dịch với bên có liên quan nêu trên vào chương trình hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2023 và giao cho Chủ tịch HĐQT hoàn thiện tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông
22	22/2023/SGW/ HDQT-NQ	23/11/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận việc Công ty cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP (“DNPW”) hỗ trợ vốn cho Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (“Công ty”) nhằm thực hiện thanh toán các công nợ hiện hữu của Công ty tối đa không

			<p>quá 20% tổng tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty sẽ có nghĩa vụ thanh toán giá trị hỗ trợ vốn thực tế đã thực hiện cho DNPW và các khoản phí, lãi hỗ trợ phát sinh theo đúng thỏa thuận tại thời điểm hỗ trợ. - Thống nhất bổ sung nội dung nêu trên vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2023 và giao cho Chủ tịch HĐQT hoàn thiện tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông.
23	23/2023/SGW/HĐQT-NQ	11/12/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất cử người đại diện vốn theo ủy quyền tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai với thông tin cụ thể như sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Bên uỷ quyền: Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn 2. Người đại diện vốn theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn 3. Người đại diện vốn theo uỷ quyền: Ông Lê Văn Luyện
24	24/2023/SGW/HĐQT-NQ	20/12/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất Thanh lý xe ô tô con Mazda CX9AWD <ol style="list-style-type: none"> 1. Tình trạng xe: Xe đã hết khấu hao, đồng thời do thời gian sử dụng đã lâu, xe xuống cấp, cũ và đã bị hư hỏng khá nhiều, chi phí bảo trì cao, vận hành tốn nhiên liệu. 2. Giá trị của tài sản thanh lý: 3. Nguyên giá mua ban đầu: 430.000.000 VNĐ 4. Giá trị khấu hao đã hạch toán: 430.000.000 VNĐ 5. Giá trị sử dụng theo sổ sách: 0 VNĐ 6. Giá trị tài sản theo thẩm định: 299.000.000 VNĐ (làm tròn) 7. Mức chiết khấu khi thanh lý: 20-25%, do SII cần thanh lý nhanh, hiện trạng xe đã cũ và toàn bộ giá trị mua ban đầu đã được hạch toán khấu hao. - Giao cho Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn thực hiện các thủ tục thanh lý theo quy định sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Hình thức thanh lý: Chào bán tại giá khởi điểm hoặc cao hơn do bên mua đề xuất. 2. Giá khởi điểm: Giá khởi điểm 250.000.000 VNĐ (đã bao gồm VAT, phí) 3. Thuế, phí: Toàn bộ chi phí thuế, phí do bên mua chịu trách nhiệm thanh toán. 4. Đối tượng thanh lý: Ưu tiên cho cán bộ nhân viên Công ty SII mua, trường hợp cán bộ nhân viên Công ty SII không mua thì chào bán cho các đối tượng khác có nhu cầu.

1.3. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động

của HĐQT. Các thành viên đều tham gia xem xét, nghiên cứu và đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở để HĐQT ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan.

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Rose Ann Luna Badidoy	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
3	Bà Huỳnh Thị Bảo Trâm	Thành viên

2.2. Hoạt động của BKS

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ và quy chế tổ chức của Công ty.

Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, triển khai kiểm tra giám sát thường xuyên mọi hoạt động của Công ty. BKS định kỳ tiến hành kiểm tra trực tiếp, cụ thể:

- ❖ Theo dõi, kiểm tra việc xây dựng quy chế, quy định của Công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định hiện hành.
- ❖ Kiểm tra quá trình thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- ❖ Xem xét việc thực hiện quy trình, thủ tục hồ sơ pháp lý các dự án đầu tư của Công ty.
- ❖ Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của Công ty.
- ❖ Kiểm tra việc công bố thông tin của Công ty có được đầy đủ, trung thực và tuân thủ theo quy định của Pháp luật.
- ❖ Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- ❖ BKS thường xuyên theo dõi, giám sát và cập nhật kịp thời danh sách cổ đông lớn, người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của Công ty.
- ❖ Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và chế độ liên quan: trong năm 2023, Ban Kiểm soát không nhận thù lao.

Trong năm 2023, các Kiểm soát viên đã thực hiện đúng các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ có liên quan.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao và lợi ích

- Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát: Trong năm 2023 Công ty không trả thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.

- Ban Điều hành: Lương, thưởng của Ban điều hành trong năm 2023 tổng cộng là 3.698.296.052 đồng.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Tổng cộng
1	Lều Mạnh Huy	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14/09/2023)	92%	8%	100%
2	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng giám đốc kiêm giám đốc tài chính	82%	18%	100%
3	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Phó Tổng giám đốc	100%	0%	100%
4	Nguyễn Khánh Duy	Giám đốc vận hành – kỹ thuật	75%	25%	100%
5	Nguyễn Văn Thành	Tổng giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 14/09/2023)	88%	12%	100%
6	Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/10/2023)	86%	14%	100%
7	John Walter E. Tendencia	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24/08/2023)	100%	0%	100%

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Có

ST T No.	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐ QT...(nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NGÀNH NƯỚC DNP	- Ông Ngô Đức Vũ là thành viên HĐQT của SII đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP - Ông Hoàng Minh	2400813 885 do sở KH&ĐT Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 02/03/2023	Thôn Càn, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, Bắc Giang	Hoàn tất mua 19% cổ phiếu SII là ngày 22/06/2023		Số cổ phiếu đã mua: 12.259.200 cổ phiếu SII Tổng giá trị cổ phiếu: 122.592.000.000 đồng	

		<p>Hùng là thành viên HĐQT của SII, đồng thời là Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNPW</p> <p>- Bà Phan Thùy Giang là TV.HĐQT của SII đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP</p> <p>- Ông Lêu Mạnh Huy là TV.HĐQT kiêm Tổng giám đốc của SII, đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP</p>						
2	Công ty Cổ phần đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM (“CIIF”)	- Ông Nguyễn Văn Thành là Chủ tịch HĐQT của SII	Số 0302483 177, do SKHĐT Tp.HCM cấp lần đầu ngày 24/12/20	Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh,	Hoàn bán 50,61% cổ phiếu SII là ngày 14/12/		Số cổ phiếu đã bán: 32.654.750 cổ phiếu SII Tổng giá trị cổ	

		kiểm Phó Tổng Giám đốc CII	01, Thay đổi lần thứ 34 ngày 28/11/20 23	Tp. HCM, Việt Nam	2023		phiếu: 326.547.50 0.000 đồng	
--	--	--	---	----------------------	------	--	------------------------------------	--

5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty tuân thủ chấp hành các qui định về quản trị công ty theo qui định của pháp luật hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế – Chi nhánh Sài Gòn, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

2.1. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính được đính kèm theo bản công bố thông tin này.

2.2. Địa chỉ công bố và cung cấp báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất:

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

220Bis Nguyễn Hữu Cảnh, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Website: www.saigonwater.com.vn

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn, kính thông báo đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Quý cổ đông và Quý nhà đầu tư được rõ.

Trân trọng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊU MẠNH HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch/Thành viên (miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch từ ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Lều Mạnh Huy	Thành viên
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên
Ông Hoàng Minh Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Roberto Jose Rialp Locsin	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Philip Marc L.Hermann	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Melvin John Mondejar Tan	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Laurence Rentuza	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Bà Karoline Constanino Sangalang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Bà Rose Ann Luna Badidoy	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Alvin Sua Evangelista	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Bảo Trâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Bà Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lều Mạnh Huy	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2023)
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2023)
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)

Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)
Bà Hồ Thị Xuân	Phụ trách kế toán (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2023)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là:

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 24 tháng 11 năm 2023)
Ông Lều Mạnh Huy	Tổng Giám đốc (từ ngày 14 tháng 9 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 14 tháng 9 năm 2023)

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 ngày 24 tháng 11 năm 2023 đã phê duyệt bổ sung ông Nguyễn Văn Thành là người đại diện pháp luật của Công ty cùng với ông Lều Mạnh Huy. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang thực hiện các thủ tục có liên quan để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho sự thay đổi này.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người đại diện pháp luật (tiếp theo)

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Phó Tổng Giám đốc được ông Lều Mạnh Huy ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 01/2024/SGW/UQ của Tổng Giám đốc ngày 01 tháng 03 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số: 1860/2024/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024, từ trang 5 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1741-2023-072-1



Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2767-2024-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.622.983.343	137.058.328.248
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.411.427.643	18.139.561.028
1. Tiền	111		7.311.427.643	9.039.561.028
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.100.000.000	9.100.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.000.000.000	10.301.669.003
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	17.000.000.000	10.301.669.003
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.972.560.252	73.007.635.027
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	58.982.028.034	52.862.924.613
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.725.848.862	291.080.958
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	130.137.241.289	116.431.248.886
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	16.340.521.255	11.472.835.013
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(114.213.079.188)	(108.050.454.443)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	14.285.502.889	14.597.349.198
1. Hàng tồn kho	141		14.285.502.889	14.597.349.198
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.953.492.559	21.012.113.992
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	565.955.802	997.119.735
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.355.425.600	9.787.877.169
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	10.032.111.157	10.227.117.088

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2023	01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.014.679.791.197	2.088.206.073.408
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		110.000.000	105.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		100.000.000	100.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	10.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.624.408.152.464	1.688.116.559.947
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.622.427.874.976	1.685.831.448.611
- Nguyên giá	222		2.474.372.801.641	2.450.363.086.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(851.944.926.665)	(764.531.638.301)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.980.277.488	2.285.111.336
- Nguyên giá	228		4.144.600.391	3.967.000.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.164.322.903)	(1.681.889.055)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.298.240.379	2.695.547.067
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	3.298.240.379	2.695.547.067
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		365.722.076.378	372.311.936.521
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	222.568.681.378	229.158.541.521
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	143.153.395.000	143.153.395.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		21.141.321.976	24.977.029.873
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	3.487.649.962	4.358.423.413
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.13	9.376.717.350	9.582.666.912
3. Lợi thế thương mại	269	V.14	8.276.954.664	11.035.939.548
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.170.302.774.540	2.225.264.401.656

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.233.275.069.879	933.747.562.288
I. Nợ ngắn hạn	310		99.665.392.921	448.240.342.262
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	40.605.744.896	39.502.005.987
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.118.981.538	149.551.499
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.387.465.752	2.601.301.440
4. Phải trả người lao động	314		2.367.910.222	1.477.458.481
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	8.436.967.167	10.433.292.671
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.880.781.639	33.361.747.880
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	42.518.205.976	360.382.515.728
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		349.335.731	332.468.576
II. Nợ dài hạn	330		1.133.609.676.958	485.507.220.026
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15	308.700.000.000	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	20.316.730.003	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	791.342.946.955	472.767.220.026
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20	13.250.000.000	12.740.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		937.027.704.661	1.291.516.839.368
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	937.027.704.661	1.291.516.839.368
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.221.040.000	645.221.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.221.040.000	645.221.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		161.811.551.600	161.811.551.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.538.225.108	18.538.225.108
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		84.763.248	84.763.248
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.239.632.121	49.801.512.120
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		48.585.595.556	138.775.153.361
- Lỗ sau thuế năm nay	421b		(42.345.963.435)	(88.973.641.241)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		105.132.492.584	416.059.747.292
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.170.302.774.540	2.225.264.401.656



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân
Phụ trách Kế toán



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2023	2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	243.384.181.239	224.802.835.341
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		243.384.181.239	224.802.835.341
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	245.375.744.002	233.073.268.714
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(1.991.562.763)	(8.270.433.373)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	106.519.382.269	51.792.318.043
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	81.621.297.671	82.531.653.648
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		81.585.195.263	82.175.322.239
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.12	(6.589.860.143)	47.203.406.380
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	15.835.411.047	16.656.982.891
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	38.504.764.678	83.285.357.058
11. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		(38.023.514.033)	(91.748.702.547)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.949.474.172	6.097.118.419
13. Chi phí khác	32	VI.8	70.272.901	5.154.968.758
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.879.201.271	942.149.661
15. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(36.144.312.762)	(90.806.552.886)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.946.907.841	2.431.824.806
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.20	510.000.000	(6.828.318.685)
18. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(38.601.220.603)	(86.410.059.007)
19. Lỗ sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		(42.345.963.435)	(88.973.641.241)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.744.742.832	2.563.582.234
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(656)	(1.379)



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân
Phụ trách Kế toán



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2023	2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	01	(36.144.312.762)	(90.806.552.886)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	92.281.215.471	94.594.026.546
Các khoản dự phòng	03	6.162.624.745	57.032.571.015
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(100.161.003.608)	(104.213.932.718)
Chi phí lãi vay	06	81.585.195.263	82.175.322.239
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43.723.719.109	38.781.434.196
Tăng các khoản phải thu	09	(10.514.883.321)	(743.459.652)
Giảm hàng tồn kho	10	2.180.724.532	8.023.888.632
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	23.097.358.755	2.950.858.881
Giảm chi phí trả trước	12	1.301.937.384	3.358.460.570
Tiền lãi vay đã trả	14	(114.616.733.661)	(62.124.417.502)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.181.188.757)	(1.628.828.625)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.011.149.178)	(923.483.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(58.020.215.137)	(12.305.547.430)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(28.820.077.258)	(23.129.136.617)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	648.329.665	5.010.856.189
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(49.170.048.841)	(14.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	28.765.725.441	15.891.292.080
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	101.666.625.568	34.928.151.841
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	53.090.554.575	18.701.163.493

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2023	2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	441.596.476.879	123.090.171.660
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(440.885.059.702)	(151.868.686.057)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.509.890.000)	(1.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.798.472.823)	(30.078.514.397)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(9.728.133.385)	(23.682.898.334)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18.139.561.028	41.822.459.362
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	8.411.427.643	18.139.561.028



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân
Phụ trách Kế toán



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Thông tin về giả định hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và tin tưởng rằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư sẽ giúp Công ty có đủ nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc Công ty như sau:

- Đối với dự án Củ Chi: Công ty thực hiện tăng cường vận động, tuyên truyền người dân sử dụng nước sạch tại Dự án cấp nước Củ Chi và dự kiến số lượng khách hàng tăng, tăng sản lượng và giá bán bình quân. Công ty tiếp tục làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các sở ban ngành, ban quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn để thúc đẩy việc chuyển từ nước ngầm sang sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp.
- Các công ty con, công ty liên kết của Công ty đều đã được tăng giá nước từ cuối năm 2023 và đầu năm 2024. Đồng thời các công ty này cũng thực hiện các giải pháp tăng sản lượng, kiểm soát chi phí hoạt động, tiết giảm chi phí.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh I về các sự kiện quan trọng, trong năm 2025 Công ty sẽ hoàn tất việc tăng vốn điều lệ và sử dụng nguồn vốn này để hoán đổi các khoản vay và công nợ.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP ("Công ty DNP Water"), Công ty mẹ của Công ty từ ngày 10 tháng 01 năm 2024 - như đã trình bày tại Thuyết minh I về các sự kiện quan trọng, cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cần thiết cho hoạt động của Công ty và tiếp tục cho đến khi Công ty có khả năng tự chủ về dòng tiền phục vụ cho hoạt động tối thiểu trong một năm tài chính tiếp theo.
- Trong 12 tháng tới, Công ty dự kiến sẽ nhận được cổ tức bằng tiền từ Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp (77,4 tỷ đồng), Công ty Cổ phần BOO nước Thủ Đức (11,455 tỷ đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất :

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thoái vốn công ty con

Khi công ty thoái vốn, mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của Công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con sẽ được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo riêng của công ty mẹ sau khi điều chỉnh cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ tương ứng kể từ ngày mua nếu sau khi thoái vốn công ty con trở thành công ty liên kết, hoặc trình bày theo giá gốc nếu công ty con trở thành khoản đầu tư vào đơn vị khác.

Trường hợp trước đây Công ty đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát, toàn bộ phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm mất quyền kiểm soát.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con nhưng không dẫn đến mất quyền kiểm soát được ghi nhận như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Ảnh hưởng của các giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất thay vì ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất kỳ phát sinh giao dịch.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Khi Công ty thoái vốn một phần vốn trong công ty liên kết, lãi/lỗ từ giao dịch sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Đầu tư vào công ty liên kết** (tiếp theo)

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Nếu bên nhận đầu tư là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dự dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8
Vườn cây lâu năm	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và chương trình phần mềm máy tính phục vụ cho quy trình quản lý và sản xuất nước sạch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao** (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình của Công ty khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Nguyên giá của chương trình phần mềm bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa nhà máy và văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Vay và nợ phải trả thuê tài chính** (tiếp theo)

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp theo từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối và căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu tài chính*

Lãi tiền gửi, tiền cho vay hỗ trợ vốn được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh nước sạch, kinh doanh bán vật tư, tư vấn, thi công, lắp đặt thiết bị, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Gia Lai, tỉnh Lâm Đồng. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	646.178.259	1.729.603.820
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.665.249.384	7.309.957.208
Các khoản tương đương tiền (i)	1.100.000.000	9.100.000.000
Cộng	8.411.427.643	18.139.561.028

(i) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng Thương mại với lãi suất dao động từ 2,7%/năm đến 3,4%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	17.000.000.000	10.301.669.003

Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 đến 12 tháng với lãi suất dao động từ 7,5% đến 11%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật và Xây dựng Tuấn Lộc	11.420.670.623	11.420.670.623
Công ty Cổ phần LICOGI 16	11.032.053.290	11.032.053.290
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng	10.762.555.952	10.576.016.035
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn huyện Củ Chi	7.986.811.521	7.910.205.155
Các khách hàng khác	17.779.936.648	11.923.979.510
Cộng	58.982.028.034	52.862.924.613

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)	120.461.134.593	106.755.142.190
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (ii)	9.676.106.696	9.676.106.696
Cộng	130.137.241.289	116.431.248.886

(i) Khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong năm là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2024;

(ii) Khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong năm là 11%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2024.

5. Phải thu khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu người lao động	9.018.919.553	7.689.196.880
Phải thu cổ tức được chia	3.682.026.000	-
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.440.813.156	279.452.500
Giá trị các đồng hồ nước đang được kiểm định để tái sử dụng	1.048.020.355	2.292.931.782
Tạm chia cổ tức	999.900.000	1.100.010.000
Ký cược, ký quỹ	43.120.000	22.500.000
Các khoản phải thu khác	107.722.191	88.743.851
Cộng	16.340.521.255	11.472.835.013
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	5.000.000
Tổng cộng phải thu khác	16.350.521.255	11.477.835.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	31/12/2023		01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	36.912.586.992	2.047.718.433	(34.864.868.559)	1.764.534.564	(34.597.039.426)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	130.137.241.289	58.400.121.391	(71.737.119.898)	45.494.917.003	(65.842.324.286)
Phải thu khác	7.611.090.731	-	(7.611.090.731)	-	(7.611.090.731)
Cộng	174.660.919.012	60.447.839.824	(114.213.079.188)	47.259.451.567	(108.050.454.443)

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu khó đòi

	2023 VND	2022 VND
Số dư tại ngày đầu năm	(108.050.454.443)	(52.791.284.428)
Trích lập dự phòng trong năm	(6.165.653.981)	(28.865.745.528)
Ghi nhận dự phòng khi thoái vốn công ty con	-	(28.741.593.429)
Hoàn nhập dự phòng	3.029.236	574.767.942
Giảm do thoái vốn công ty con	-	1.773.401.000
Số dư tại ngày cuối năm	(114.213.079.188)	(108.050.454.443)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.816.946.353	-	13.271.789.641	-
Công cụ, dụng cụ	1.515.462.680	-	1.316.091.780	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	953.093.856	-	9.467.777	-
Cộng	14.285.502.889	-	14.597.349.198	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	77.398.356	391.109.839
Chi phí bảo hiểm	68.869.690	20.619.563
Chi phí trả trước khác	419.687.756	585.390.333
Cộng	565.955.802	997.119.735
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.872.173.633	427.620.405
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	973.725.528	2.118.368.182
Chi phí thi công, lắp đặt đường ống, đồng hồ nước	260.461.652	830.242.266
Chi phí trả trước dài hạn khác	381.289.149	982.192.560
Cộng	3.487.649.962	4.358.423.413
Tổng cộng chi phí trả trước	4.053.605.764	5.355.543.148

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quân lý VND	Cây lâu năm VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	243.068.329.043	159.354.202.754	2.043.024.840.145	4.159.170.970	756.544.000	2.450.363.086.912
Mua trong năm	-	1.301.031.334	-	78.280.000	-	1.379.311.334
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (i)	3.612.751.494	289.202.666	22.017.886.271	-	-	25.919.840.431
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.289.437.036)	-	-	(3.289.437.036)
Tại ngày 31/12/2023	246.681.080.537	160.944.436.754	2.061.753.289.380	4.237.450.970	756.544.000	2.474.372.801.641
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	118.543.053.776	120.250.150.706	522.588.865.576	2.393.024.243	756.544.000	764.531.638.301
Khấu hao trong năm	10.127.513.180	3.790.044.570	74.469.929.392	652.309.597	-	89.039.796.739
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.626.508.375)	-	-	(1.626.508.375)
Tại ngày 31/12/2023	128.670.566.956	124.040.195.276	595.432.286.593	3.045.333.840	756.544.000	851.944.926.665
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	124.525.275.267	39.104.052.048	1.520.435.974.569	1.766.146.727	-	1.685.831.448.611
Tại ngày 31/12/2023	118.010.513.581	36.904.241.478	1.466.321.002.787	1.192.117.130	-	1.622.427.874.976

(i) Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình trong năm bao gồm là của Dự án đầu tư mở rộng, di dời hệ thống cấp nước cho thành phố Pleiku và các vùng lân cận và Đầu tư mở rộng Dự án Củ Chi.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty chủ yếu hình thành từ các dự án nước, trong đó bao gồm tài sản hình thành từ Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch tại huyện Củ Chi. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ đồng, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ 600.000.000.000 đồng, Dự án được thực hiện theo hai giai đoạn với tổng giá trị quyết toán là 1.784.376.225.077 đồng, trong đó nguyên giá tài sản hình thành trong giai đoạn 1 là 1.336.149.158.599 đồng và giai đoạn 2 là 448.227.066.478 đồng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 45.794.506.895 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: 45.729.481.199 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình** (tiếp theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.19, Công ty đã sử dụng nhà cửa là nhà máy nước, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.778.527.077.140 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: 1.784.376.225.077 đồng).

Ngoài ra, toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia với tổng nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 201.400.580.051 đồng và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 199.902.060.051 đồng đang được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay nợ của Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - công ty mẹ trước đây của Công ty tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm
quản lý nước sạch
VND

Nguyên giá

Tại ngày 01/01/2023

3.967.000.391

Mua trong năm

177.600.000

Tại ngày 31/12/2023**4.144.600.391****Giá trị hao mòn lũy kế**

Tại ngày 01/01/2023

1.681.889.055

Khấu hao trong năm

482.433.848

Tại ngày 31/12/2023**2.164.322.903****Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2023

2.285.111.336

Tại ngày 31/12/2023**1.980.277.488**

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 154.192.120 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 107.800.000 đồng).

Như đã trình bày tại thuyết minh V.19, Công ty đã sử dụng tài sản cố định vô hình để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá tài sản cố định vô hình đem đi thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 1.760.000.000 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự án đầu tư phát triển, cải tạo mạng lưới cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi	2.676.076.675	983.498.397
Dự án mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước trên địa bàn thành phố Pleiku	606.336.111	1.710.048.670
Các dự án khác	15.827.593	2.000.000
Cộng	3.298.240.379	2.695.547.067

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.695.547.067	421.546.507
Chi phí đầu tư xây dựng mạng lưới cấp nước trong năm	30.218.355.394	20.223.553.538
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(25.919.840.431)	(17.430.459.296)
Vật tư thừa nhập kho	(3.638.045.023)	(503.475.747)
Giảm khác	(57.776.628)	(15.617.935)
Số dư cuối năm	3.298.240.379	2.695.547.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**12. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp (i)	119.659.788.611	102.908.892.767	119.659.788.611	109.498.752.910
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	44.100.000.000	(44.100.000.000)	44.100.000.000	(44.100.000.000)
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	4.298.086.861	(4.298.086.861)	4.298.086.861	(4.298.086.861)
Cộng	168.057.875.472	54.510.805.906	168.057.875.472	61.100.666.049
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu		222.568.681.378		229.158.541.521

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, 10.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp đang được dùng để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu CIIB2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - công ty mẹ trước đây của Công ty.

Giá trị hợp lý của các công ty liên kết không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên có thể khác giá trị ghi sổ.

Trong năm, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết thay đổi như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Tại thời điểm đầu năm	229.158.541.521	181.955.135.141
Giá trị ghi nhận trong năm	(6.589.860.143)	47.203.406.380
- Lợi nhuận từ công ty liên kết	86.290.139.857	78.163.406.380
- Cổ tức được chia trong năm	(92.880.000.000)	(30.960.000.000)
Tại thời điểm cuối năm	222.568.681.378	229.158.541.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	9.376.717.350	-	9.582.666.912	-

14. Lợi thế thương mại

	Giá trị ghi sổ VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2023 và ngày 31/12/2023	60.073.074.001
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2023	49.037.134.453
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	2.758.984.884
Tại ngày 31/12/2023	51.796.119.337
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2023	11.035.939.548
Tại ngày 31/12/2023	8.276.954.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**15. Phải trả người bán**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	24.799.029.223	24.799.029.223	18.966.462.431	18.966.462.431
Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Bình Thuận Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng	5.704.159.630	5.704.159.630	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc Các nhà cung cấp khác	1.385.483.400	1.385.483.400	759.753.900	759.753.900
	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836	3.136.630.836
	5.580.441.807	5.580.441.807	6.753.446.929	6.753.446.929
	40.605.744.896	40.605.744.896	39.502.005.987	39.502.005.987
b. Phải trả người bán dài hạn				
Viac (No.1) Limited Partnership (i)	154.350.000.000	154.350.000.000	-	-
Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd. (i)	154.350.000.000	154.350.000.000	-	-
	308.700.000.000	308.700.000.000	-	-
Cộng	349.305.744.896	349.305.744.896	39.502.005.987	39.502.005.987
Phải trả người bán là bên liên quan				
Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	154.350.000.000	154.350.000.000	9.885.711.891	9.885.711.891

(i) Số dư là khoản phải trả cho các bên liên quan đến hợp đồng nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 ngày 24 tháng 11 năm 2023 thông qua việc hoán đổi khoản nợ này thành cổ phần mới phát hành của Công ty, thời gian thực hiện không quá ngày 01 tháng 02 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	389.258.000	210.090.931	15.085.000	194.252.069
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.837.859.088	-	-	9.837.859.088
Cộng	10.227.117.088	210.090.931	15.085.000	10.032.111.157
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	72.757.606	1.262.248.780	1.293.422.876	41.583.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.608.038.355	1.946.907.841	2.181.188.757	1.373.757.439
Thuế thu nhập cá nhân	264.143.630	1.055.886.373	1.097.642.504	222.387.499
Thuế tài nguyên	63.369.984	766.040.470	760.274.518	69.135.936
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	31.028.281	31.028.281	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	5.405.303	1.082.551.000	1.082.551.000	5.405.303
Thuế bảo vệ môi trường	418.065.737	5.657.638.187	5.571.858.460	503.845.464
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	169.520.825	418.777.634	416.947.858	171.350.601
Cộng	2.601.301.440	12.221.078.566	12.434.914.254	2.387.465.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay	7.494.179.553	8.941.336.464
Chi phí điện sản xuất	378.669.300	340.015.900
Chi phí nước thô	-	785.309.400
Các khoản chi phí phải trả khác	564.118.314	366.630.907
Cộng	8.436.967.167	10.433.292.671

18. Phải trả khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Phải trả ngắn hạn		
Phải trả chi phí sử dụng vốn	747.347.427	32.331.728.914
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	915.289.000	835.289.000
Kinh phí công đoàn	13.230.000	26.768.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.800.000	38.800.000
Các khoản khác	166.115.212	129.161.966
Cộng	1.880.781.639	33.361.747.880
b. Phải trả dài hạn		
Phải trả các khoản được chi hộ	10.779.186.891	-
Phải trả chi phí lãi vay ngân hàng (i)	9.537.543.112	-
Cộng	20.316.730.003	-
Tổng cộng phải trả khác	22.197.511.642	33.361.747.880
Trong đó, phải trả cho bên liên quan		
Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	10.779.186.891	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP	641.746.869	-
Cộng	11.420.933.760	-

(i) Khoản chi phí lãi vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (thuyết minh V.19b), được ngân hàng cơ cấu thời hạn thanh toán. Theo đó 30% chi phí lãi vay phát sinh từ kỳ trả nợ 25/01/2023 đến kỳ 25/10/2027 sẽ được cộng dồn và chia đều thanh toán trong giai đoạn từ kỳ trả nợ 25/01/2028 đến kỳ 27/01/2031.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuế tài chính	31/12/2023		01/01/2023		Giá trị có khả năng thanh toán VND
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	
a. Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng					
Khoản vay các bên khác					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	13.968.591.962	13.968.591.962	85.121.683.879	92.343.263.577	21.190.171.660
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	-	-	6.000.000.000	297.093.110.068	291.093.110.068
Vay bên liên quan					
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CIJ	-	-	8.000.000.000	27.000.000.000	19.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả					
Các khoản vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh b)	28.549.614.014	28.549.614.014	-	-	29.099.234.000
Cộng	42.518.205.976	42.518.205.976	102.121.683.879	419.436.373.645	360.382.515.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay bên liên quan						
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP	339.474.793.000	339.474.793.000	339.474.793.000	-	-	-
Khoản vay các bên khác						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	464.217.606.012	464.217.606.012	-	36.000.000.000	500.217.606.012	500.217.606.012
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	15.650.547.943	15.650.547.943	15.650.547.943	-	-	-
Ngân hàng Phát triển Châu Á	549.614.014	549.614.014	-	1.099.234.000	1.648.848.014	1.648.848.014
Trừ: Các khoản vay dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(28.549.614.014)	(28.549.614.014)	-	-	(29.099.234.000)	-29.099.234.000
Cộng	791.342.946.955	791.342.946.955	355.125.340.943	37.099.234.000	472.767.220.026	472.767.220.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	13.968.591.962	3 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Thả nổi, lãi suất trong năm dao động từ 6,6% đến 9%	Bổ sung vốn lưu động	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi và 409.114 cổ phần của Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức.
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (i)	310.797.939.474	126 tháng	27/01/2031	Thả nổi, lãi suất trong năm dao động từ 8,5% đến 9,7% theo từng khế ước	Phục vụ cho Dự án Củ Chi	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi.
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP	153.419.666.538	180 tháng	28/06/2032	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	339.474.793.000	12 tháng	25/01/2025	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Ngân hàng Phát triển Châu Á	9.650.547.943	12 tháng	25/01/2025	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
	6.000.000.000	12 tháng	25/01/2025	Lãi suất cố định 11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
	549.614.014	216 tháng	01/06/2024	0%	Thực hiện Dự án nâng cấp và cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã thuộc tỉnh Gia Lai	Được bảo lãnh bởi Bộ tài chính, không có tài sản đảm bảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**Lịch thanh toán nợ vay dài hạn:**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	28.549.614.014	29.099.234.000
Trong năm thứ hai	399.125.340.943	36.549.614.014
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	195.500.000.000	168.500.000.000
Sau năm năm	196.717.606.012	267.717.606.012
Cộng	819.892.560.969	501.866.454.026
Từ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(28.549.614.014)	(29.099.234.000)
Số phải trả sau 12 tháng	791.342.946.955	472.767.220.026

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Các khoản lãi chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	-	19.568.318.685	19.568.318.685
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	(6.828.318.685)	(6.828.318.685)
Tại ngày 01/01/2023	-	12.740.000.000	12.740.000.000
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	510.000.000	510.000.000
Tại ngày 31/12/2023	-	13.250.000.000	13.250.000.000
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			510.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	645.221.040.000	161.811.551.600	18.538.225.108	84.763.248	139.565.878.339	411.000.523.668	1.376.221.981.963
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(88.973.641.241)	2.563.582.234	(86.410.059.007)
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	-	4.006.355.847	4.006.355.847
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(532.271.871)	(181.997.445)	(714.269.316)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(258.453.107)	(28.717.012)	(287.170.119)
Tại ngày 01/01/2023	645.221.040.000	161.811.551.600	18.538.225.108	84.763.248	49.801.512.120	416.059.747.292	1.291.516.839.368
(Lỗ)/lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(42.345.963.435)	3.744.742.832	(38.601.220.603)
Giao dịch vốn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(34.586.690)	(308.791.413.310)	(308.826.000.000)
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(5.610.000.000)	(5.610.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(799.821.880)	(228.194.453)	(1.028.016.333)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (i)	-	-	-	-	(381.507.994)	(42.389.777)	(423.897.771)
Tại ngày 31/12/2023	645.221.040.000	161.811.551.600	18.538.225.108	84.763.248	6.239.632.121	105.132.492.584	937.027.704.661

(i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát tại các công ty con được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của từng đơn vị cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.522.104	64.522.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu phổ thông	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu phổ thông	64.522.104	64.522.104
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2023, Công ty không chia cổ tức năm 2022.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2023	2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	225.831.514.743	216.242.674.636
Doanh thu thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị	17.390.123.037	8.393.682.394
Doanh thu bán hàng hóa	162.543.459	166.478.311
Cộng	243.384.181.239	224.802.835.341

2. Giá vốn hàng bán

	2023	2022
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	232.532.544.275	227.323.505.465
Giá vốn thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị	12.743.719.204	5.650.396.327
Giá vốn bán hàng hóa	99.480.523	99.366.922
Cộng	245.375.744.002	233.073.268.714

Trong đó, giá vốn phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	12.856.714.948	9.771.586.048
---	----------------	---------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2023	2022
	VND	VND
Cổ tức được chia	104.335.192.000	42.415.192.000
Lãi thoái vốn các khoản đầu tư	9.370.045	7.596.657.145
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.174.820.224	1.389.959.185
Lãi chiết khấu thanh toán	-	390.509.713
Cộng	106.519.382.269	51.792.318.043

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	92.880.000.000	30.960.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	532.525.787	402.497.263
Cộng	93.412.525.787	31.362.497.263

4. Chi phí tài chính

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	81.585.195.263	82.175.322.239
Chi phí tài chính khác	36.102.408	356.331.409
Cộng	81.621.297.671	82.531.653.648

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP	641.746.869	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	834.238.356	359.178.082
Công ty CII	-	8.064.579.213
Cộng	1.475.985.225	359.178.082

5. Chi phí bán hàng

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	14.143.854.389	15.011.490.423
Chi phí khấu hao tài sản cố định	535.101.420	527.601.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	1.156.455.238	1.117.891.047
Cộng	15.835.411.047	16.656.982.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	20.302.193.575	16.946.266.857
Lợi thế thương mại phân bổ	2.758.984.884	6.021.750.652
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	6.162.624.745	50.030.673.319
Chi phí đồ dùng văn phòng	42.317.267	34.825.357
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.108.132.603	1.163.062.987
Tiền thuê đất, thuế, phí và lệ phí	50.769.224	147.733.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.337.916.085	2.183.286.604
Các khoản chi phí khác	5.741.826.295	6.757.757.804
Cộng	38.504.764.678	83.285.357.058

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	535.833.872	651.325.832
--------------------------------------	-------------	-------------

7. Thu nhập khác

	2023	2022
	VND	VND
Các khoản hỗ trợ di dời đường ống cấp nước	1.180.983.333	5.608.718.008
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại	522.694.933	483.679.663
Lãi thanh lý tài sản cố định	231.481.482	-
Các khoản thu nhập khác	14.314.424	4.720.748
Cộng	1.949.474.172	6.097.118.419

8. Chi phí khác

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính và phạt thuế	6.978.746	102.024.904
Xử lý số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không thể thu hồi	-	5.045.908.854
Các khoản chi phí khác	63.294.155	7.035.000
Cộng	70.272.901	5.154.968.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2023		2022		Tổng cộng VND
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Tổng cộng VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	13.703.809.904	(49.848.122.666)	(36.144.312.762)	11.438.509.974	(90.806.552.886)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	31.917.046	56.596.263.702	56.628.180.748	1.919.220.472	112.983.974.755
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-104.335.192.000	(104.335.192.000)	-	(42.415.192.000)
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	-	6.589.860.143	6.589.860.143	-	(47.203.406.380)
Lợi thế thương mại phân bổ	-	2.758.984.884	2.758.984.884	-	6.021.750.652
Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất	-	106.132.479.994	106.132.479.994	2.366.920.037	97.381.091.331
Lỗ/(lãi) chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất	-	(2.550.000.000)	(2.550.000.000)	-	-
Loại trừ lãi thoái vốn công ty con trên báo cáo hợp nhất	-	(9.370.045)	(9.370.045)	-	(4.896.657.145)
Ghi nhận bổ sung chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-	28.741.593.429
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	31.917.046	48.009.500.726	48.041.417.772	(447.699.565)	75.802.494.433
Tổng thu nhập chịu thuế	13.735.726.950	6.748.141.036	20.483.867.986	13.357.730.446	22.177.421.869
Lỗ tính thuế mang sang	-	(447.533.564)	(447.533.564)	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	13.735.726.950	6.300.607.472	20.036.334.422	13.357.730.446	22.177.421.869
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		20%			
Thuế suất thuế thông thường		20%			
Thuế suất ưu đãi từ dự án đầu tư (i)	10%			10%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.373.572.695	1.260.121.493	2.633.694.188	1.335.773.045	3.099.711.328
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(686.786.347)	-	(686.786.347)	(667.886.522)	(667.886.522)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	686.786.348	1.260.121.493	1.946.907.841	667.886.523	2.431.824.806

(i) Hoạt động kinh doanh nước sạch của Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành, cụ thể: Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chịu thuế suất 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2023	2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(42.345.963.435)	(88.973.641.241)
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	(42.345.963.435)	(88.973.641.241)
Cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm	64.522.104	64.522.104
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(656)	(1.379)

11. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.473.796.298	102.175.046.953
Chi phí nhân công	45.005.745.168	41.849.904.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	89.463.482.973	88.502.120.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.257.598.738	26.516.605.025
Chi phí khác	21.801.778.559	39.649.841.855
Cộng	298.002.401.736	298.693.518.696

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch, hoạt động bán hàng hóa (bán vật tư, thiết bị ngành nước), hoạt động thi công công trình và dịch vụ tư vấn liên quan đến ngành nước. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động xử lý nước và cung cấp nước sạch: sản xuất nước sạch và bán sỉ, lẻ cho các hộ dân, khu công nghiệp;
- Hoạt động bán hàng hóa: thực hiện việc bán vật tư, thiết bị ngành nước kèm theo dịch vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo hành;
- Hoạt động thi công, lắp đặt thiết bị và dịch vụ tư vấn liên quan đến ngành nước: thi công, lắp đặt thiết bị nhà máy nước, tư vấn giám sát và quản lý thi công xây dựng và lắp đặt nhà máy nước sạch, tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch...

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý** (tiếp theo)**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Chỉ tiêu	Kinh doanh nước sạch VND	Bán hàng hóa VND	Thi công, lắp đặt thiết bị VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	225.831.514.743	162.543.459	17.390.123.037	-	243.384.181.239
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	-	-	92.373.037	(92.373.037)	-
Tổng doanh thu	225.831.514.743	162.543.459	17.482.496.074	(92.373.037)	243.384.181.239
Giá vốn					
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	232.143.902.414	99.480.523	13.132.361.065	-	245.375.744.002
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	-	-	92.373.037	(92.373.037)	-
Tổng chi phí	232.143.902.414	99.480.523	13.224.734.102	(92.373.037)	245.375.744.002
Kết quả kinh doanh bộ phận	(6.312.387.671)	63.062.936	4.257.761.972	-	(1.991.562.763)
Doanh thu hoạt động tài chính					106.519.382.269
Chi phí tài chính					81.621.297.671
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết					(6.589.860.143)
Chi phí bán hàng					15.835.411.047
Chi phí quản lý doanh nghiệp					38.504.764.678
Lỗ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh					(38.023.514.033)
Thu nhập khác					1.949.474.172
Chi phí khác					70.272.901
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					1.946.907.841
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					510.000.000
Tổng lỗ sau thuế					(38.601.220.603)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý** (tiếp theo)**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Chi tiêu	Kinh doanh nước sạch VND	Bán hàng hóa VND	Thi công, lắp đặt thiết bị VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	216.242.674.636	166.478.311	8.393.682.394	-	224.802.835.341
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	2.009.640.682	-	-	(2.009.640.682)	-
Tổng doanh thu	218.252.315.318	166.478.311	8.393.682.394	(2.009.640.682)	224.802.835.341
Giá vốn					
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	227.323.505.465	99.366.922	5.650.396.327	-	233.073.268.714
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	2.090.571.546	-	-	(2.090.571.546)	-
Tổng chi phí	229.414.077.011	99.366.922	5.650.396.327	(2.090.571.546)	233.073.268.714
Kết quả kinh doanh bộ phận	(11.161.761.693)	67.111.389	2.743.286.067	80.930.864	(8.270.433.373)
Doanh thu hoạt động tài chính					51.792.318.043
Chi phí tài chính					82.531.653.648
Phản lãi trong công ty liên doanh, liên kết					47.203.406.380
Chi phí bán hàng					16.656.982.891
Chi phí quản lý doanh nghiệp					83.285.357.058
Lỗ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh					(91.748.702.547)
Thu nhập khác					6.097.118.419
Chi phí khác					5.154.968.758
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					2.431.824.806
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(6.828.318.685)
Tổng lợi nhuận sau thuế					(86.410.059.007)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý** (tiếp theo)**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Gia Lai và tỉnh Lâm Đồng. Bộ phận tư vấn và quản lý thi công xây dựng và lắp đặt nhà máy nước sạch, tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và bộ phận thi công, lắp đặt thiết bị được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các hoạt động khác đều được thực hiện tại ba địa điểm kể trên. Dưới đây là phân tích tài sản và nợ phải trả, doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Thành phố Hồ Chí Minh VND	Tỉnh Gia Lai VND	Tỉnh Lâm Đồng VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Bảng cân đối kế toán					
<i>Tại ngày 31/12/2023</i>					
Tài sản ngắn hạn	109.519.910.144	27.803.876.686	31.566.408.240	(13.267.211.727)	155.622.983.343
Tài sản dài hạn	1.656.512.955.237	167.046.647.632	85.661.295.561	105.458.892.767	2.014.679.791.197
Nợ phải trả	1.235.222.399.870	3.653.291.430	2.702.915.015	(8.303.536.436)	1.233.275.069.879
<i>Tại ngày 01/01/2023</i>					
Tài sản ngắn hạn	86.040.471.441	37.164.237.857	23.638.547.645	(9.784.928.695)	137.058.328.248
Tài sản dài hạn	1.717.859.630.214	286.521.134.688	93.368.131.986	(9.542.823.480)	2.088.206.073.408
Nợ phải trả	930.668.610.327	136.455.988.661	2.648.420.925	(136.025.457.625)	933.747.562.288
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023</i>					
Doanh thu thuần	124.323.961.257	58.712.857.419	60.439.735.600	(92.373.037)	243.384.181.239
Giá vốn	157.343.154.570	45.715.202.855	42.409.759.614	(92.373.037)	245.375.744.002
Lợi nhuận gộp	(33.019.193.313)	12.997.654.564	18.029.975.986	-	(1.991.562.763)
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022</i>					
Doanh thu thuần	110.904.151.404	56.654.441.373	59.346.475.839	(2.102.233.275)	224.802.835.341
Giá vốn	146.949.595.328	46.251.791.236	41.974.115.425	(2.102.233.275)	233.073.268.714
Lợi nhuận gộp	(36.045.443.924)	10.402.650.137	17.372.360.414	-	(8.270.433.373)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14/09/2023)
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) (i)	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (i)	Công ty mẹ
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Hương Trà (ii)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi (ii)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú (ii)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (i)	Công ty liên kết của tập đoàn
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII (i)	Công ty trong cùng tập đoàn

(i) Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) đã thoái vốn dẫn đến mất quyền kiểm soát. Do đó, Công ty CII và nhóm các công ty con, công ty liên kết của công ty này không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Bên liên quan** (tiếp theo)

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	2023 VND	2022 VND
Giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII		
Trả tiền hỗ trợ vốn	27.000.000.000	-
Nhận tiền hỗ trợ vốn	8.000.000.000	19.000.000.000
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	834.238.356	359.178.082
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành Nước DNP		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	339.474.793.000	-
Giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp		
Nhận tiền cổ tức	92.880.000.000	30.900.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	3.000.000.000	-
Trả tiền hỗ trợ vốn	3.000.000.000	-
Chuyển trả tiền lãi hỗ trợ vốn	34.027.397	-

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Ông Lều Mạnh Huy	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 14/09/2023)	333.500.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc	220.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính	918.453.525	875.988.500
Ông Nguyễn Khánh Duy	Giám đốc Vận hành - Kỹ thuật	230.190.000	-
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 14/09/2023)	986.346.827	1.207.548.500
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24/08/2023)	330.000.000	660.000.000
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/10/2023)	679.805.700	937.388.500
Cộng		3.698.296.052	3.680.925.500

Trong năm, Công ty không chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	2023	2022
	VND	VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	91.121.683.879	102.590.171.660
Tiền thu từ đi vay các bên liên quan	350.474.793.000	20.500.000.000
	441.596.476.879	123.090.171.660
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	410.885.059.702	151.868.686.057
Tiền trả nợ gốc vay các bên liên quan	30.000.000.000	-
	440.885.059.702	151.868.686.057

4. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các hợp đồng thuê không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	876.918.140	725.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	761.413.744	360.000.000
Cộng	1.638.331.884	1.085.000.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 54.641.601 đồng/tháng (bao gồm phí quản lý). Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 2 năm và sẽ đến hạn ngày 15 tháng 12 năm 2025.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 928, Quốc lộ 22, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 15.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 5 năm và sẽ đến hạn ngày 1 tháng 7 năm 2025.
- Tổng số tiền thuê kho tại số 67 Nguyễn Văn Ni, tổ 10 khu phố 2, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 10.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê kho được ký với thời hạn 1 năm và được gia hạn hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP ("Công ty DNP Water") đã hoàn tất giao dịch mua 20.394.550 cổ phiếu nắm giữ tại Công ty, số lượng cổ phiếu Công ty DNP Water nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch trên là 32.653.750 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ 50,6%. Theo đó, Công ty DNP Water trở thành Công ty mẹ của Công ty kể từ ngày này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân
Phụ trách Kế toán



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024